

LỜI NÓI ĐẦU

Phân tích báo cáo tài chính là một nghệ thuật phiên dịch các số liệu từ các báo cáo tài chính thành những thông tin hữu ích cho việc ra quyết định của các doanh nghiệp. Phân tích báo cáo tài chính xét theo nghĩa khái quát đề cập tới nghệ thuật phân tích và giải thích các báo cáo tài chính. Để áp dụng hiệu quả nghệ thuật này đòi hỏi phải thiết lập một quy trình có hệ thống và logic có thể sử dụng làm cơ sở cho việc ra quyết định. Trong phân tích cuối cùng, việc ra quyết định là mục đích chủ yếu của phân tích báo cáo tài chính. Dù cho đó là nhà đầu tư cổ phần vốn có tiềm năng, một nhà cho vay tiềm tàng, hay một nhà phân tích tham mưu cho một công ty, thì mục tiêu cuối cùng đều như nhau - đó là cung cấp cơ sở cho việc ra quyết định hợp lý. Mục tiêu ban đầu của việc phân tích báo cáo tài chính là nhằm để "hiểu được các con số" hoặc để "nắm chắc các con số", tức là sử dụng các công cụ phân tích tài chính như là một phương tiện hỗ trợ để hiểu rõ các số liệu tài chính trong báo cáo. Như vậy, người ta có thể đưa ra nhiều biện pháp phân tích khác nhau nhằm để miêu tả những quan hệ có nhiều ý nghĩa và chất lọc thông tin từ các dữ liệu ban đầu. Thứ hai, do sự định hướng của công tác phân tích tài chính là nhằm cho việc ra quyết định, một mục tiêu quan trọng khác là nhằm đưa ra một cơ sở hợp lý cho việc dự đoán tương lai. Do đó, người ta sử dụng các công cụ và kỹ thuật phân tích báo cáo tài chính nhằm cố gắng đưa ra đánh giá có căn cứ về tình hình tài chính tương lai của công ty, việc thường xuyên phân tích tình hình tài chính sẽ giúp nhà quản lý doanh nghiệp thấy rõ thực trạng hoạt động tài chính, từ đó có thể nhận ra những mặt mạnh, mặt yếu của doanh nghiệp nhằm làm căn cứ để hoạch định phương án hành động phù hợp cho tương lai và đồng thời đề xuất những giải pháp hữu hiệu để ổn định và tăng cường tình hình tài chính giúp nâng cao chất lượng doanh nghiệp.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên trong thời gian thực tập tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I, em quyết định đi sâu nghiên cứu đề tài:

“Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I”

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô trong khoa Kinh tế - QTKD của trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng đã giảng dạy em trong thời gian qua, đặc biệt em xin cảm ơn cô Đồng Thị Nga là người đã trực tiếp hướng dẫn em trong suốt quá trình thực tập và làm khoá luận. Nhờ sự hướng dẫn và dìu dắt của thầy cô, em đã tích lũy được những kiến thức cơ bản đáng quý, đồng thời qua thời gian làm khoá luận em có điều kiện ứng dụng những kiến thức của mình vào thực tiễn, qua đó giúp em đúc kết được những kinh nghiệm quý báu để tiếp tục bước chân trên con đường sự nghiệp sau này. Em xin cảm ơn các cô chú, anh chị tại phòng Kế toán - Tài vụ Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I đã tạo điều kiện cho em thực tập và cung cấp tài liệu, thông tin để giúp em hoàn thành bài khoá luận này.

Nội dung bài khoá luận của em gồm 3 chương:

- Chương I : Một số lý luận về tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh
- Chương II : Thực trạng tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I
- Chương III : Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Do còn nhiều hạn chế về trình độ chuyên môn nên bài khoá luận của em không thể tránh khỏi những khiếm khuyết, em rất mong được các thầy, cô đóng góp ý kiến để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn

Sinh viên

Lê Thị Minh Phương

CHƯƠNG I: MỘT SỐ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1 Khái niệm báo cáo tài chính

Báo cáo kế toán tài chính là những báo cáo tổng hợp nhất về tình hình Tài sản, Nguồn vốn và công nợ cũng như tình hình tài chính, kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. Nói cách khác, báo cáo kế toán tài chính là phương tiện trình bày khả năng sinh lời và thực trạng tài chính của doanh nghiệp cho những người quan tâm như: chủ doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhà cho vay, cơ quan thuế ,...

2. Mục đích của Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính là sản phẩm cuối cùng của công tác kế toán trong một kỳ kế toán, phản ánh tổng quát tình hình tài sản, nguồn vốn cũng như tình hình kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Như vậy mục đích của báo cáo tài chính là:

- Tổng hợp và trình bày một cách khái quát, toàn diện tình hình tài sản, công nợ, nguồn vốn, tình hình kết quả sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán.

Cung cấp thông tin kinh tế, tài chính chủ yếu chủ yếu cho việc đánh giá thực trạng tài chính của doanh nghiệp, kết quả hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ

hoạt động đã qua và những dự đoán cho tương lai. Thông tin của báo cáo tài chính là căn cứ quan trọng cho việc đề ra quyết định về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đầu tư vào doanh nghiệp của các chủ sở hữu, các nhà đầu tư, các chủ nợ hiện tại và tương lai của doanh nghiệp.

+ Thông tin tình hình tài chính doanh nghiệp: Tình hình tài chính doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của các nguồn lực kinh tế do doanh nghiệp kiểm soát, của cơ cấu tài chính, khả năng thanh toán, khả năng thích ứng cho phù hợp với môi trường kinh doanh. Nhờ

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

thông tin về các nguồn lực kinh tế do doanh nghiệp kiểm soát và năng lực doanh nghiệp trong quá khứ đã tác động đến nguồn lực kinh tế này mà có thể dự đoán nguồn nhân lực của doanh nghiệp có thể tạo ra các khoản tiền và tương đương tiền trong tương lai.

+ Thông tin về cơ cấu tài chính: Có tác dụng lớn dự đoán nhu cầu đi vay, phương thức phân phối lợi nhuận, tiền lưu chuyển cũng là mối quan tâm của doanh nghiệp và cũng là thông tin cần thiết để dự đoán khả năng huy động các nguồn tài chính của doanh nghiệp.

+ Thông tin về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp đặc biệt là thông tin về tính sinh lời, thông tin về tình hình biến động sản xuất kinh doanh sẽ giúp cho đối tượng sử dụng đánh giá những thay đổi tiềm tàng của các nguồn lực kinh tế mà doanh nghiệp có thể kiểm soát trong tương lai, để dự đoán khả năng tạo ra các nguồn lực bổ sung mà doanh nghiệp có thể sử dụng.

+ Thông tin về sự biến động tình hình tài chính của doanh nghiệp: Những thông tin này trên báo cáo tài chính rất hữu ích trong việc đánh giá các hoạt động đầu tư, tài trợ và kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo.

3. Vai trò của Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính là nguồn thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn phục vụ chủ yếu cho các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp như các cơ quan Quản lý Nhà nước, các nhà đầu tư hiện tại và đầu tư tiềm tàng, kiểm toán viên độc lập và các đối tượng khác liên quan. Nhờ các thông tin này mà các đối tượng sử dụng có thể đánh giá chính xác hơn về năng lực của doanh nghiệp:

- Đối với các nhà quản lý doanh nghiệp: Báo cáo tài chính cung cấp các chỉ tiêu kinh tế dưới dạng tổng hợp sau một kỳ hoạt động, giúp cho họ trong việc phân tích đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, xác định nguyên nhân tồn tại và những khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp. Từ đó đề ra

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

các giải pháp, quyết định quản lý kịp thời, phù hợp với sự phát triển của mình trong tương lai.

- Đối với các cơ quan quản lý chức năng của Nhà nước: Báo cáo tài chính cung cấp những thông tin trên cơ sở nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn của mình mà từng cơ quan kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kiểm tra tình hình thực hiện các chính sách, chế độ quản lý – tài chính của doanh nghiệp như:

+ Cơ quan thuế: Kiểm tra tình hình thực hiện và chấp hành các loại thuế, xác định số thuế phải nộp, đã nộp, số thuế được khấu trừ, miễn giảm của doanh nghiệp...

+ Cơ quan tài chính: Kiểm tra đánh giá tình hình và hiệu quả sử dụng vốn của các doanh nghiệp Nhà nước, kiểm tra việc chấp hành các chính sách quản lý nói chung và chính sách quản lý vốn nói riêng...

- Đối với đối tượng sử dụng khác như:

+ Chủ đầu tư: Báo cáo tài chính cung cấp các thông tin về những khả năng hoặc những rủi ro tiềm tàng của doanh nghiệp có liên quan tới việc đầu tư của họ, từ đó đưa ra quyết định tiếp tục hay ngừng đầu tư vào thời điểm nào, đối với lĩnh vực nào.

+ Các chủ nợ: Báo cáo tài chính cung cấp các thông tin về khả năng thanh toán của doanh nghiệp, từ đó chủ nợ đưa ra quyết định tiếp tục hay ngừng việc cho vay đối với các doanh nghiệp.

+ Các khách hàng: Báo cáo tài chính cung cấp các thông tin mà từ đó họ có thể phân tích được khả năng cung cấp của doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định tiếp tục hay ngừng việc mua bán với doanh nghiệp

Ngoài ra, các thông tin trên báo cáo còn có tác dụng củng cố niềm tin và sức mạnh cho các công nhân viên của doanh nghiệp để họ nhiệt tình, hăng say trong lao động.

4. Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp

Theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, hệ thống báo cáo tài chính gồm:

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

- Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính tổng hợp.

4.1 Báo cáo tài chính năm

Báo cáo tài chính năm gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số b09-DN)

4.2 Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ và báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược

(1) Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ, gồm:

- Bảng cân đối kế toán giữ niên độ (Mẫu số B01a-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02a-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B03a-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B09a-DN)

(2) Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược gồm:

- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu số B01b-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02b-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc (Mẫu số B09b-DN)

4.3 Báo cáo tài chính hợp nhất

* Báo cáo tài chính hợp nhất gồm:

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B01-DN/HN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B02-DN/HN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B03-DN/HN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B09-DN/HN)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

4.4. Báo cáo tài chính tổng hợp gồm:

- Bảng cân đối kế toán tổng hợp (Mẫu số B02-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp (Mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (Mẫu số B03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Mẫu số B09-DN)

5. Trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính

(1) Hệ thống Báo cáo tài chính năm được áp dụng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp thuộc các ngành và các thành phần kinh tế

- Các công ty, Tổng công ty có các đơn vị kế toán thuộc trực thuộc, ngoài việc phải lập Báo cáo tài chính năm của công ty, Tổng công ty còn phải lập Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm dựa trên Báo cáo tài chính của các đơn vị kế toán trực thuộc công ty, Tổng công ty.

- Riêng các doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn tuân thủ các quy định chung và những quy định, hướng dẫn cụ thể phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

(2) Hệ thống Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ (báo cáo tài chính quý) được áp dụng cho các DNNN, các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán.

- Các doanh nghiệp khác khi tự nguyện lập Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể lựa chọn dạng đầy đủ hoặc toam lược.

- Đối với Tổng công ty Nhà nước và các DNNN có các đơn vị kế toán trực thuộc còn phải lập Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (*).

(3) Công ty mẹ và tập đoàn phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (*) và Báo cáo tài chính hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm theo quy định tại Nghị định số 129/2004/NĐ- Cp ngày 31/5/2004 của Chính phủ. Ngoài ra còn lập Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi hợp nhất kinh doanh theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 11 “ Hợp nhất kinh doanh”

(*) Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được thực hiện từ năm 2008.

6. Yêu cầu lập và trình bày Báo cáo tài chính

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phải tuân thủ các yêu cầu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 thì báo cáo tài chính phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Báo cáo tài chính phải trình bày một cách trung thực và hợp lý. Để đáp ứng được yêu cầu này, doanh nghiệp phải:
 - + Trình bày trung thực, hợp lý tình hình kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
 - + Phản ánh đúng bản chất kinh tế của các giao dịch và sự kiện không chỉ đơn thuần phản ánh hình thức hợp pháp của chúng.
 - + Trình bày khách quan, không thiên vị.
 - + Tuân thủ nguyên tắc thận trọng
 - + Trình bày đầy đủ mọi khía cạnh trọng yếu
- Báo cáo tài chính phải được trình bày trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành

7. Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Để đảm bảo những yêu cầu đối với báo cáo tài chính thì việc lập hệ thống báo cáo tài chính cần phải tuân thủ 06 nguyên tắc quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21 “Trình bày báo cáo tài chính” như sau:

7.1. Nguyên tắc hoạt động liên tục:

Báo cáo tài chính phải được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần, trừ khi doanh nghiệp có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Để đánh giá khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp, Giám đốc (người đứng đầu) doanh nghiệp cần phải xem xét đến mọi thông tin có thể dự đoán được tối thiểu trong vòng 12 tháng kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán.

7.2. Nguyên tắc hoạt động dồn tích:

Doanh nghiệp phải lập báo cáo tài chính theo cơ sở kế toán dồn tích, ngoại trừ thông tin liên quan đến luồng tiền.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Theo nguyên tắc này, các giao dịch và sự kiện được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực thu, thực chi tiền và được ghi nhận vào sổ kế toán và báo cáo tài chính của các kỳ kế toán liên quan. Các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

7.3. Nguyên tắc nhất quán:

Việc trình bày và phân loại các khoản mục trong báo cáo tài chính phải nhất quán từ niên độ kế toán này sang niên độ kế toán khác, trừ khi:

- + Có sự thay đổi đáng kể về bản chất các hoạt động của doanh nghiệp hoặc khi xem xét lại việc trình bày báo cáo tài chính cho thấy rằng cần phải thay đổi để có thể trình bày một cách hợp lý hơn các giao dịch và các sự kiện
- + Một chuẩn mực kế toán khác thay đổi trong việc trình bày

7.4. Nguyên tắc trọng yếu và tập hợp

Để xác định một khoản mục hay một tập hợp các khoản mục là trọng yếu phải đánh giá tính chất và quy mô của chúng. Tùy theo các tình huống cụ thể, tích chất hoặc quy mô của từng khoản mục có thể là nhân tố quyết định tính trọng yếu.

Theo nguyên tắc trọng yếu, doanh nghiệp không nhất thiết phải tuân thủ các quy định về trình bày báo cáo tài chính của các chuẩn mực kế toán cụ thể nếu các thông tin đó không có tính trọng yếu

7.5. Nguyên tắc bù trừ

- + Bù trừ tài sản và nợ phải trả: Khi ghi nhận các giao dịch kinh tế và các sự kiện để lập và trình bày báo cáo tài chính không được bù trừ tài sản và công nợ, mà phải trình bày riêng biệt tất cả các khoản mục tài sản và công nợ trên báo cáo tài chính.
- + Bù trừ doanh thu, thu nhập khác và chi phí: Được bù trừ khi quy định tại một chuẩn mực kế toán khác, hoặc một số giao dịch ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp thì được bù trừ khi ghi nhận giao dịch và trình bày báo cáo tài chính.

7.6. Nguyên tắc so sánh

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Theo nguyên tắc này, các báo cáo tài chính phải trình bày các số liệu để so sánh giữa các kỳ kế toán.

8. Kỳ lập Báo cáo tài chính.

8.1. Kỳ lập Báo cáo tài chính năm

Các doanh nghiệp phải lập Báo cáo tài chính theo kỳ kế toán năm là năm dương lịch hoặc kỳ kế toán năm là 12 tháng tròn sau khi thông báo cho cơ quan thuế.

Trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp được phép thay đổi ngày kết thúc kỳ kế toán năm dẫn đến việc lập báo cáo tài chính cho một kỳ kế toán năm đầu tiên hay kỳ kế toán năm cuối cùng có thể ngắn hơn hoặc dài hơn 12 tháng nhưng không vượt quá 15 tháng.

8.2. Kỳ lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ lập Báo cáo tài chính giữa niên độ là mỗi quý của năm tài chính (không bao gồm quý IV)

8.3. Kỳ lập báo cáo tài chính khác

Các doanh nghiệp có thể lập Báo cáo tài chính theo kỳ kế toán khác (như tuần, tháng, 6 tháng, 9 tháng ...) theo yêu cầu của pháp luật, của công ty mẹ hoặc chủ sở hữu.

Đơn vị kế toán bị chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản phải lập Báo cáo tài chính tại thời điểm chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản.

9. Thời hạn nộp Báo cáo tài chính

9.1 Đối với doanh nghiệp Nhà nước

- Thời hạn nộp báo cáo tài chính quý

+ Đơn vị phải nộp báo cáo tài chính quý chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán quý; đối với Tổng Công ty Nhà nước nộp báo cáo tài chính quý cho tổng Công ty theo thời hạn Tổng Công ty quy định.

- Thời hạn nộp báo cáo tài chính năm:

+ Đơn vị kế toán phải nộp báo cáo tài chính năm chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm; Đối với Tổng Công ty Nhà nước chậm nhất là 90 ngày.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

+ Đơn vị kế toán trực thuộc Tổng Công ty Nhà nước nộp báo cáo tài chính năm cho Tổng Công ty theo thời hạn do tổng Công ty quy định.

9.2. Đối với các loại doanh nghiệp khác

- Đơn vị kế toán là doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp doanh phải nộp báo cáo tài chính năm chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, đối với các đơn vị kế toán khác, thời hạn nộp báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày.

- Đơn vị kế toán trực thuộc nộp báo cáo tài chính năm cho đơn vị kế toán cấp trên theo thời hạn do đơn vị kế toán cấp trên quy định.

10. Nơi nhận Báo cáo tài chính

Các loại doanh nghiệp (4)	Kỳ lập báo cáo	Nơi nhận báo cáo				
		Cơ quan tài chính	Cơ quan thuế (2)	Cơ quan thống kê	DN cấp trên (3)	Cơ quan đăng ký kinh doanh
1. Doanh nghiệp Nhà nước	Quý, năm	X(1)	X	X	X	X
2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Năm	X	X	X	X	X
3. Các doanh nghiệp khác	Năm		X	X	X	X

(1) Đối với các doanh nghiệp Nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải lập và nộp báo cáo tài chính do Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đối với doanh nghiệp Nhà nước Trung ương còn phải nộp báo cáo tài chính cho bộ tài chính (Cục tài chính doanh nghiệp) - Đối với các doanh nghiệp nhà nước như ; Ngân hàng thương mại , công ty sở xố kiến thiết ,tổ chức tiên dụng , doanh nghiệp bảo hiểm ,công ty kinh doanh chứng khoán phải nộp báo cáo tài chính cho bộ tài chính (Vụ tài chính ngân hàng). Riêng công ty kinh doanh chứng khoán còn phải nộp báo cáo tài chính cho Ủy ban chứng khoán nhà nước .

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

- (2) Các doanh nghiệp phải gửi báo cáo tài chính cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý thuế tại địa phương . Đối với các tổng công ty nhà nước còn phải nộp báo cáo tài chính cho bộ tài chính (tổng cục thuế) .
- (3) DNNN có đơn vị kế toán cấp trên phải nộp báo cáo tài chính cho đơn vị kế toán cấp trên . Đối với doanh nghiệp khác có đơn vị kế toán cấp trên phải nộp báo cáo tài chính cho đơn vị cấp trên theo đơn vị kế toán cấp trên .
- (4) Đối với các doanh nghiệp mà pháp luật quy định phải kiểm toán báo cáo tài chính thì phải kiểm toán trước khi nộp báo cáo tài chính theo quy định. Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp đã được kiểm toán phải đính kèm báo cáo kiểm toán và báo cáo tài chính khi nộp cho cơ quan quản lý Nhà nước và doanh nghiệp cấp trên.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ TỔ CHỨC LẬP BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH.

1. Khái niệm, nội dung và kết cấu Báo cáo kết quả kinh doanh.

1.1 Khái niệm

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là Báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp chi tiết theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác.

Báo cáo kết quả kinh doanh cũng là báo cáo tài chính quan trọng cho nhiều đối tượng sử dụng khác nhau nhằm phục vụ cho việc đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng sinh lợi của doanh nghiệp.

1.2 Nội dung và kết cấu.

Theo quyết số 15/2006 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính thì báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh có kết cấu gồm 5 cột:

- Cột 1: Các chỉ tiêu báo cáo
- Cột 2: Mã số của các chỉ tiêu tương ứng.
- Cột 3: Số hiệu tương ứng với các chỉ tiêu của báo cáo này được thể hiện chỉ tiêu trên Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

- Cột 4: Tổng số phát sinh trong kỳ báo cáo năm.
- Cột 5: Số liệu của năm trước (để so sánh)

2. Công tác chuẩn bị trước khi lập báo cáo kết quả kinh doanh

Để đảm bảo tính kịp thời và tính chính xác của các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh, kế toán cần tiến hành các bước công việc sau:

- Kiểm soát các chứng từ kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ đã cập nhập vào sổ kế toán chưa, nếu cần hoàn chỉnh tiếp tục việc ghi sổ kế toán (đây là khâu đầu trong việc kiểm soát thông tin kế toán là có thực, vì chứng từ kế toán là bằng chứng chứng minh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh).

- Cộng sổ kế toán các tài khoản từ loại 5 đến loại 9 để kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Khoá sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

- Đối chiếu sự phù hợp về số liệu kế toán giữa các sổ kế toán tổng hợp với nhau, giữa sổ kế toán tổng hợp với sổ kế toán chi tiết. Nếu chưa thấy phù hợp phải thực hiện điều chỉnh lại số liệu theo nguyên tắc sửa sổ.

- Kiểm kê và lập biên bản sử lý kiểm kê, thực hiện điều chỉnh số liệu trên hệ thống sổ kế toán trên cơ sở biên bản sử lý kiểm kê.

- Lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Cơ sở lập Báo cáo kết quả kinh doanh

- Căn cứ vào báo cáo kết quả kinh doanh của năm trước.

- Căn cứ vào sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết trong kỳ dùng cho các tài khoản từ loại 5 đến loại 9.

Sau đây là mẫu số B02- DN : Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Mẫu số B 02 – DN

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm

Đơn vị tính:.....

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10			
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20			
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26		
7. Chi phí tài chính	22	VI.28		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25			
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30			
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50			
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60			
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

HP, ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Sinh viên : Lê Thị Minh Phương

Lớp QTL201K

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

4. Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ‘ Mã số ‘ ghi ở cột 2 dùng để cộng khi lập báo cáo tài chính tổng hợp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất.

- Số liệu ghi ở cột 3 ‘ Thuyết minh’ của báo cáo này thể hiện số liệu chi tiết của chỉ tiêu này trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm.

- Số liệu ghi ở cột 5 “ Năm trước “ của báo cáo kỳ này năm nay được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 4 “ Năm nay “ của từng chỉ tiêu tương ứng của báo cáo tài chính năm trước.

- Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu vào cột 4 “ Năm nay “ như sau:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng hợp doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ trong năm báo cáo của doanh nghiệp. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế phát sinh bên Có của TK 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và TK 512 “ Doanh thu bán hàng nội bộ” trong năm báo cáo trên sổ Cái hoặc Nhật ký - sổ Cái.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng hợp các khoản được giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm, bao gồm: Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại và thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu được xác định trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này và lũy kế số phát sinh bên Nợ của TK 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ “ và TK 512 “ Doanh thu bán hàng nội bộ “đôi ứng với bên Có của TK 521 “Chiết khấu thương mại “, TK 531 “ Hàng bán bị trả lại “, TK 532 “ Giảm giá hàng bán”, TK 333 “ Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước” (TK3331, TK3332, TK3333) trong năm báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)

Chỉ tiêu này phản ánh số doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm, BĐS đầu tư và cung cấp dịch vụ đã trừ các khoản giảm trừ (Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp) trong kỳ báo cáo làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Mã số 10 = Mã số 01 - Mã số 02

4. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá vốn của hàng hoá, BĐS đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối dịch vụ hoàn thành đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Có TK 632 “ Giá vốn hàng bán “đôi ứng với bên nợ TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh” trong năm báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật Ký - Sổ Cái.

5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 20)

Chỉ tiêu này phản ánh số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng hoá, thành phẩm. BĐS đầu tư và cung cấp dịch vụ với giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ báo cáo.

Mã số 20 = Mã số 10- Mã số 11

6. Doanh thu về hoạt động tài chính (Mã số 21)

Chỉ tiêu này phản ánh doanh thu hoạt động tài chính thuần (Tổng doanh thu Trừ (-) Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp (nếu có) liên quan đến hoạt động khác) phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Nợ của TK 511 “ Doanh thu hoạt động tài chính “đôi ứng với bên Có của TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh “ trong năm báo cáo trên Sổ cái hoặc trên Nhật ký-Sổ Cái.

7. Chi phí tài chính (Mã số 22)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí tài chính, gồm tiền lãi vay phải trả, chi phí bản quyền, chi phí hoạt động kinh doanh,... Phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Có TK 635 “Chi phí hoạt động tài chính” đối ứng với bên nợ Tk 911 “xác định kết quả kinh doanh” trong năm báo cáo trên sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ cái.

- Trong đó: Chi phí lãi vay (Mã số 23) chỉ tiêu này phản ánh chi phí lãi vay phải trả được tính vào chi phí tài chính trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào sổ chi tiết TK 635.

8. Chi phí bán hàng (Mã số 24)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí bán hàng hoá, thành phẩm đã bán, dịch vụ đã cung cấp phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu được ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có của TK 641 “Chi phí bán hàng” đối ứng với bên nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong năm báo cáo trên sổ cái hoặc Nhật ký sổ cái.

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 25)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có của TK 642 đối ứng với bên Nợ của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong năm báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (Mã số 30)

Chỉ tiêu này phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo.

$$\text{Mã số 30} = \text{Mã số 20} + (\text{Mã số 21} - \text{Mã số 22}) - \text{Mã số 24} - \text{Mã số 25}$$

11. Thu nhập khác (Mã số 31)

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản thu nhập khác (Sau khi trừ thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp), phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Nợ TK 711 “Thu nhập khác” đối

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

ứng với bên có TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong năm báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

12. Chi phí khác (Mã số 32)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng hợp các khoản chi phí phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có TK 811 “Chi phí khác” đối ứng với bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong năm báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

13. Lợi nhuận khác (Mã số 40)

Chỉ tiêu này phản ánh số chênh lệch giữa thu nhập khác (Sau khi trừ đi thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp) với chi phí khác phát sinh trong kỳ báo cáo.

$$\text{Mã số 40} = \text{Mã số 31} - \text{Mã số 32}$$

14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (Mã số 50)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng lợi nhuận kế toán thực hiện trong năm báo cáo của doanh nghiệp trước khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh, hoạt động khác phát sinh trong kỳ báo cáo.

$$\text{Mã số 50} = \text{Mã số 30} + \text{Mã số 40}$$

15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)

Chỉ tiêu này phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có TK 8211 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” trên sổ kế toán chi tiết TK 8211, hoặc làm căn cứ vào số phát sinh bên Nợ TK 8211 đối ứng với bên Có TK 911 trong kỳ báo cáo, Trường hợp này số liệu được ghi vào chỉ tiêu này bằng số am dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...) trên sổ kế toán chi tiết TK 8211.

16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Chỉ tiêu này phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm báo cáo. Số liệu đề ghi và chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên có TK 8212 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” đối ứng với bên Nợ của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trên sổ kế toán chi tiết TK 8212 hoặc căn cứ vào số phát liệu được ghi vào chỉ tiêu này bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...) trên sổ kế toán chi tiết TK 8212.

17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 60)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số lợi nhuận thuần (hoặc lỗ) sau thuế từ các hoạt động của doanh nghiệp.

Mã số 60 = Mã số 50 – (Mã số 51 + Mã số 52)

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Mã số 70)

Chỉ tiêu này được hướng dẫn cách tính toán theo thông tư hướng dẫn Chuẩn mực kế toán số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”

III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1.1. Khái quát về tổ chức công tác phân tích Báo cáo tài chính (phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp)

1.1 Khái niệm Phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp

Phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua phân tích Báo cáo tài chính là quá trình xem xét, kiểm tra, đối chiếu và so sánh số liệu tài chính hiện hành với quá khứ. Trên cơ sở phân tích Báo cáo tài chính, người sử dụng thông tin có thể đánh giá khả năng tiềm tàng, hiệu quả kinh doanh cũng như những rủi ro tương lai.

1.2. Mục đích của phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp

Hoạt động tài chính doanh nghiệp là những quan hệ tiền tệ gắn trực tiếp với việc huy động vốn, phương pháp sử dụng và quản lý vốn trong quá trình sản xuất. Vì vậy thông qua phân tích hoạt động tài chính có thể xem xét các số liệu tài chính hiện hành với quá khứ, từ đó người sử dụng thông tin để đánh giá thực trạng tài chính, hiệu quả

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

kinh doanh cũng như những rủi ro trong tương lai hoặc triển vọng phát triển của doanh nghiệp. Do đó, việc phân tích tình hình tài chính phải đạt được các mục tiêu sau:

- Phân tích tình hình tài chính mới đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình phân phối, sử dụng và quản lý các loại vốn, nguồn vốn, vạch rõ khả năng tiềm tàng về vốn của xí nghiệp. Trên cơ sở đó đề ra biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, giúp doanh nghiệp củng cố tốt hơn hoạt động tài chính của mình.

- Phân tích tình hình tài chính là công cụ không thể thiếu phục vụ cho công tác quản lý của cơ quan cấp trên, cơ quan tài chính, ngân hàng như: đánh giá tình hình thực hiện các chế độ, chính sách về tài chính của nhà nước, xem xét việc cho vay vốn...

1.3 Ý nghĩa của Phân tích tình hình báo tài chính doanh nghiệp

Hoạt động tài chính có mối quan hệ trực tiếp với hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh đều có ảnh hưởng đến tài chính của doanh nghiệp. Ngược lại, tình hình tài chính tốt hay xấu đều có tác động thúc đẩy hoặc kìm hãm đối với quá trình sản xuất kinh doanh. Chính vì vậy, phân tích tình tài chính doanh nghiệp không chỉ có ý nghĩa đối với bản thân chủ doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa đối với các đối tượng bên ngoài có liên quan đến tài chính của doanh nghiệp

- Đối với doanh nghiệp: mối quan tâm của họ là khả năng sinh lời, khả năng thanh toán ,....

- Đối với nhà cung cấp, chủ nợ: mối quan tâm của họ hướng vào khả năng trả nợ của doanh nghiệp. Do đó họ cần chú ý đến tình hình và khả năng thanh toán của đơn vị cũng như quan tâm đến lượng vốn của chủ sở hữu, khả năng sinh lời để đánh giá đơn vị có khả năng trả nợ được hay không trước khi quyết định cho vay hay bán chịu sản phẩm cho đơn vị.

- Đối với nhà đầu tư trong tương lai: Điều mà họ quan tâm đầu tiên, đó là sự an toàn của lượng vốn đầu tư, kế đó là mức độ sinh lãi, thời gian hoàn vốn. Vì vậy họ cần những thông tin về tài chính, tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh, tiềm năng tăng trưởng của doanh nghiệp.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

- Đối với cơ quan chức năng: Như cơ quan thuế, thông qua thông tin trên báo cáo tài chính xác định các khoản nghĩa vụ đơn vị phải thực hiện đối với nhà nước, cơ quan thống kê tổng hợp phân tích hình thành số liệu thống kê, chỉ số thống kê,...

Như vậy, Phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp có thể theo những chiều hướng khác nhau với mục đích tác nghiệp cũng như mục đích thông tin trong và ngoài doanh nghiệp. Việc thường xuyên tiến hành phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp sẽ giúp cho người sử dụng thấy được thực trạng hoạt động tài chính, từ đó xác định được nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Trên cơ sở đó có biện pháp hữu hiệu và ra các quyết định cần thiết để nâng cao chất lượng công tác quản lý.

1.4 Quy trình tổ chức công tác phân tích tài chính

1.4.1. Bước 1: Lập kế hoạch phân tích

- * Xác định nội dung, phạm vi, thời gian và cách thức tổ chức phân tích.
- + Nội dung phân tích cần được xác định rõ các vấn đề cần được phân tích: có thể là toàn bộ các chỉ tiêu hoặc một số chỉ tiêu cụ thể. Đây là cơ sở để xây dựng đề cương cụ thể khi tiến hành phân tích .
- + Phạm vi phân tích có thể là toàn bộ doanh nghiệp hoặc một đơn vị phụ thuộc, kỳ phân tích ,....tuỳ theo yêu cầu và thực tiễn quản lý.
- + Căn cứ phân tích: Sưu tầm tài liệu làm căn cứ phân tích (Cã báo cáo tài chính, các báo cáo chuyên môn,...)
- + Thời gian phân tích : Từ lúc bắt đầu công tác phân tích cho đến khi kết thúc quá trình phân tích
- * Chỉ rõ người làm công tác phân tích, dự trù mức kinh phí cần thiết để phục vụ công tác phân tích

1.4.2. Bước 2 : Tổ chức công tác phân tích

- * Sưu tầm lựa chọn tài liệu, số liệu
- Nguồn tài liệu:
 - + Tài liệu kế hoạch : KHSXKD, KH tài chính, dự toán, định mức, kinh tế xã hội,...
 - + Tài liệu hoạch toán : Hạch toán thống kê, hạch toán kế toán : Báo cáo tài chính, sổ sách kế toán,....
 - + Nguồn tài liệu khác : tài liệu kiểm toán, báo cáo đại hội ở cơ sở , các chế độ chính sách, chuẩn mực kế toán, tài chính, tín dụng hiện hành ,...
- Do các tài liệu thu thập được bên ngoài là từ các nguồn khác nhau nên cần phải kiểm tra trên nhiều mặt : tính hợp pháp (trình tự lập, người ban hành, cấp có thẩm quyền ký duyệt ,...) nội dung phương pháp phân tích các chỉ tiêu ,...phải phù hợp

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

với chế độ kế toán thống kê hiện hành. Sau khi kiểm tra, tiến hành xử lý, chỉnh số liệu

* Tiến hành phân tích

- Dựa trên cơ sở mục tiêu phân tích và các nguồn số liệu sưu tầm được, bộ phận phân tích tiến hành xây dựng hệ thống các chỉ tiêu phân tích. Đặc biệt cần chú trọng đến những chỉ tiêu có sự biến đổi lớn và những chỉ tiêu quan trọng.
- Sau khi tính toán các chỉ tiêu đã được chọn thì tiến hành lập bảng tổng hợp để tiện cho công tác phân tích. Khi phân tích cần bám sát vào tình hình thực tế của doanh nghiệp để công tác phân tích được tiến hành đạt kết quả tốt nhất.
- Khi phân tích sử dụng các phương pháp phân tích :
 - + Phương pháp so sánh
 - + Phương pháp tỷ lệ
 - + Phương pháp cân đối .

...

1.4.3. Bước 3 : Lập Báo cáo phân tích

Báo cáo phân tích là bảng tổng hợp về kết quả phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp. Thông thường báo cáo gồm hai phần

- + Phần 1 Đánh giá tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ kinh doanh cụ thể thông qua các chỉ tiêu tài chính cụ thể. Đặt các chỉ tiêu trong mối quan hệ tương tác giữa các mặt của quá trình sản xuất kinh doanh. Qua việc phân tích, đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu cũng như những tiềm năng của từng mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời nêu những nguyên nhân cơ bản đã tác động tích cực hay tiêu cực đến các kết quả đó.
- + Phần 2 : Đề ra những phương hướng, giải pháp cụ thể để góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Nội dung và phương pháp phân tích báo cáo tài chính

2.1 Nội dung phân tích báo cáo tài chính

Trong điều kiện kinh doanh theo cơ chế thị trường có sự quản lý vĩ mô của Nhà Nước, các doanh nghiệp đều được bình đẳng trước pháp luật trong kinh doanh. Đối với mỗi doanh nghiệp, ngoài chủ doanh nghiệp còn có đối tượng khác quan tâm như các nhà đầu tư, nhà cung cấp, các nhà cho vay... Chính vì vậy mà việc thường xuyên phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến tình hình tài chính doanh nghiệp để đưa ra các biện pháp hữu hiệu nâng cao chất lượng, công tác quản lý kinh doanh.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Từ lý luận trên, nội dung phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp sẽ đánh giá đầy đủ nhất và là bức tranh toàn cảnh về tình hình tài chính doanh nghiệp .

Việc phân tích báo cáo tài chính bao gồm các nội dung sau;

- Đánh giá khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp.
- Phân tích việc đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Phân tích bảng cân đối kế toán.
- Phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Phân tích báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Phân tích thuyết minh báo cáo tài chính.
- Phân tích tình hình và khả năng thanh toán.
- Phân tích hiệu quả kinh doanh.
- Phân tích khả năng sinh lợi của hoạt động kinh doanh.
- Phân tích điểm hoà vốn trong kinh doanh.

2.2. Phương pháp phân tích

Để nắm được đầy đủ thực trạng tài chính cũng như tình hình sử dụng hiệu quả và khả năng sinh lợi của hoạt động kinh doanh, cần thiết phải đi sâu xem xét các mối quan hệ và tình hình biến động của các khoản mục trong từng báo cáo tài chính , và giữa các báo cáo tài chính với nhau.

2.2.1. Phân tích theo chiều ngang;

Là việc so sánh, đối chiếu tình hình biến động cả về số tuyệt đối và số tương đối trên từng chỉ tiêu của từng báo cáo tài chính.

Phân tích theo chiều ngang các báo cáo tài chính sẽ làm nổi bật biến động của một khoản mục nào đó qua thời gian và việc phân tích này sẽ làm nổi rõ tình hình đặc điểm về lượng và tỷ lệ các khoản mục theo thời gian.

Phân tích theo thời gian giúp đánh giá khái quát tình hình biến động của các chỉ tiêu tài chính, từ đó đánh giá tình hình tài chính. Đánh giá đi từ tổng quát đến chi tiết,

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

sau khi đánh giá ta liên kết các thông tin để đánh giá khả năng tiềm tàng và rủi ro, nhận ra những khoản mục nào có biến động cần tập trung phân tích xác định nguyên nhân.

Sử dụng phương pháp so sánh bằng số tuyệt đối hoặc bằng số tương đối:

Số tuyệt đối: $Y = Y1 - Y0$

Y1: Trị số của chỉ tiêu phân tích

Y0: Trị số của chỉ tiêu gốc

Số tương đối: $T = Y1 / Y0 * 100\%$

2.2.2. Phân tích xu hướng:

Xem xét xu hướng biến động qua thời gian là một biện pháp quan trọng để đánh giá các tỷ số trở nên xấu đi hay đang phát triển theo chiều hướng tốt đẹp. Phương pháp này được dùng để so sánh một sự kiện kéo dài trong nhiều năm. Đây là thông tin rất cần thiết cho người quản trị doanh nghiệp và nhà đầu tư.

2.2.3. Phân tích theo chiều dọc (phân tích theo qui mô chung)

Là việc sử dụng các tỷ lệ, các hệ số thể hiện mối tương quan giữa các chỉ tiêu trong từng báo cáo tài chính để rút ra kết luận.

Với báo cáo qui mô chung, từng khoản mục trên báo cáo được thể hiện bằng một tỷ lệ kết cấu so với một khoản mục được chọn làm gốc có tỷ lệ là 100%.

Sử dụng phương pháp so sánh số tương đối kết cấu (chỉ tiêu bộ phận trên chỉ tiêu tổng thể) phân tích theo chiều dọc giúp chúng ta đưa về một điều kiện so sánh, dễ dàng thấy được kết cấu của từng chỉ tiêu bộ phận so với chỉ tiêu tổng thể tăng giảm như thế nào. Từ đó đánh giá khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp.

2.2.4. Phân tích các chỉ số chủ yếu

Phân tích các chỉ số cho biết mối quan hệ của các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, giúp chúng ta hiểu rõ hơn về bản chất và khuynh hướng tài chính của doanh nghiệp.

Sau đây là các nhóm chỉ số tài chính chủ yếu được sử dụng phân tích tài chính:

- Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu tài chính.
- Nhóm chỉ tiêu về tình hình thanh toán và khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

- Nhóm chỉ tiêu về khả năng luân chuyển vốn của doanh nghiệp.
- Nhóm chỉ tiêu về tỷ số sinh lời.

2.2.5. Phương pháp liên hệ - cân đối

Khi tiến hành phân tích chúng ta cần chú ý đến những mối quan hệ, tính cân đối cần thiết và hữu dụng trong quản lý tài chính ở từng thời kỳ, thuyết sẽ làm cho việc phân tích tản mạn và không hữu ích.

3. Phương pháp phân tích báo cáo kết quả kinh doanh

3.1 Phương pháp chung

3.1.1 Phương pháp đánh giá kết quả kinh tế

3.1.1.1 Phương pháp phân chia các đối tượng và kết quả kinh tế.

- phương pháp phân chia các đối tượng và kết quả kinh tế theo yếu tố cấu thành
- Phương pháp phân chia các đối tượng và kết quả kinh tế theo địa điểm phát sinh
- Phương pháp phân chia các đối tượng và kết quả kinh tế theo thời gian.

3.1.1.2 Phương pháp so sánh

*** Mục đích**

- Qua so sánh người ta biết được kết quả thực hiện của các mục tiêu do đơn vị đặt ra, muốn vậy cần phải so sánh số thực tế và số kế hoạch.
- Qua so sánh người ta biết được nhịp điệu phát triển của các hiện tượng và các kết quả kinh tế thông qua việc so sánh kỳ này với kỳ trước.
- Qua so sánh người ta biết được mức độ tiên tiến hay lạc hậu của từng đơn vị. Muốn vậy cần phải so sánh giữa đơn vị này với đơn vị khác có cùng một loại quy mô và so sánh kết quả của từng đơn vị với kết quả trung bình.

*** Điều kiện để tiến hành so sánh**

- Phải tồn tại ít nhất hai đại lượng hoặc hai chỉ tiêu.
- Các chỉ tiêu, đại lượng khi tiến hành so sánh với nhau phải có cùng nội dung kinh tế, có cùng tiêu chuẩn biểu hiện.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

3.1.2 Phương pháp xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố

3.1.2.1 Phương pháp thay thế liên hoàn

* Nội dung và trình tự của phương pháp thay thế liên hoàn;

- Trước hết phải biết được số lượng các nhân tố ảnh hưởng, mối quan hệ của chúng với chỉ tiêu phân tích.

- Cần sắp xếp các nhân tố theo một trật tự nhất định, xác định nhân tố số lượng đứng trước, nhân tố chất lượng đứng sau. Trường hợp có nhiều nhân tố số lượng cùng chịu ảnh hưởng thì nhân tố chủ yếu đứng trước, nhân tố thứ yếu đứng sau.

- Tiến hành thay thế lần lượt từng nhân tố theo trình tự nói trên. Nhân tố nào thay thế trước sẽ được lấy giá trị thực tế của nó còn nhân tố nào chưa được thay thế sẽ giữ nguyên ở kỳ gốc hay kỳ kế hoạch; Khi thay thế xong một nhân tố phải tính được kết quả cụ thể của từng lần thay đó, lấy kết quả của từng lần thay thực tế trước sẽ tính được mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đó.

- Có bao nhiêu nhân tố thì có bấy nhiêu lần thay thế, tổng hợp ảnh hưởng của từng nhân tố phải bằng đối tượng cụ thể phân tích.

* Điều kiện áp dụng:

- Phương pháp thay thế liên hoàn chỉ áp dụng trong điều kiện các nhân tố ảnh hưởng có quan hệ tích số hoặc thương số hợp kết hợp cả tích số và thương số.

3.1.2.2 Phương pháp số chênh lệch

Là một dạng đơn giản của phương pháp thay thế liên hoàn, nó được sử dụng trong trường hợp các nhân tố ảnh hưởng có quan hệ tích số với chỉ tiêu phân tích. Việc thay thế để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố được thực hiện tương tự như thay thế liên hoàn. Nhân tố đứng trước được thay thế trước, nhân tố đứng sau được thay thế sau.

3.1.2.3 Phương pháp cân đối

Khác với phương pháp thay thế liên hoàn, phương pháp số chênh lệch thì phương pháp số cân đối được sử dụng để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

tổ khi chúng có quan hệ tổng số với chỉ tiêu phân tích. Để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố nào đó thì cần tính số chênh lệch giữa thực tế và kế hoạch của nhân tố đó, không liên quan tới nhân tố khác.

3.1.2.4 Phương pháp quy hồi và tương quan

Phương pháp tương quan là quan sát mối liên hệ giữa một tiêu thức kết quả và một hoặc nhiều nguyên nhân nhưng ở dạng liên hệ thực. Còn hồi quy là một phương pháp xác định độ biến thiên của tiêu thức kết quả theo biến thiên của tiêu thức nguyên nhân. Bởi vậy, hai phương pháp này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau và có thể gọi tắt là phương pháp tương quan.

3.1.3 Phương pháp phân tích tỷ lệ

Phương pháp phân tích tỷ lệ được áp dụng phổ biến trong phân tích tài chính vì nó dựa trên ý nghĩa chuẩn mực các tỷ lệ của đại lượng tài chính trong các quan hệ tài chính. Phương pháp tỷ lệ giúp các nhà phân tích khai thác có hiệu quả những số liệu và phân tích một cách có hệ thống hàng loạt tỷ lệ theo chuỗi thời gian liên tục theo từng giai đoạn. Qua đó nguồn thông tin kinh tế và tài chính được cải tiến và cung cấp đầy đủ hơn. Từ đó cho phép tích lũy dữ liệu và thúc đẩy quá trình tính toán một số các tỷ lệ như:

- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu.
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản.
- Tỷ suất lợi nhuận trên nguồn vốn chủ sở hữu.
- Tỷ suất lợi nhuận trên nguyên giá tài sản cố định.

Như vậy, phương pháp trên nhằm tăng hiệu quả phân tích. Chúng ta sử dụng kết hợp hoặc sử dụng thêm một số phương pháp bổ trợ khác như: Phương pháp liên hệ, phương pháp loại trừ nhằm tận dụng đầy đủ các ưu điểm của chúng để thực hiện mục đích nghiên cứu một cách tốt nhất.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

3.2. Đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dùng để so sánh lợi nhuận thực hiện với lợi nhuận kế hoạch và lợi nhuận của các năm trước. Qua đó, thấy được lợi nhuận từ các hoạt động tăng giảm như thế nào so với kế hoạch và so với các năm trước. Đánh giá tổng quát tình hình thực hiện lợi nhuận của doanh nghiệp có đạt được mức kế hoạch đặt ra hay không và xu hướng phát triển so với các năm trước như thế nào. Đồng thời, ta cũng phải xem xét tỷ trọng về lợi nhuận của từng hoạt động trong tổng lợi nhuận chung của doanh nghiệp để có cái nhìn toàn diện hơn.

3.3. Phân tích một số tỷ suất tài chính

3.3.1 Phân tích chỉ số hoạt động

- *Vòng quay hàng tồn kho:*

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$$

-> Cho biết số lần hàng tồn kho luân chuyển trong kỳ

- *Vòng quay các khoản phải thu*

$$\text{Vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Các khoản phải thu bình quân}}$$

-> Cho biết tốc độ chuyển đổi các khoản phải thu trong kỳ thành tiền

- *Vòng quay vốn lưu động (hiệu quả sử dụng vốn lưu động)*

$$\text{Vòng quay vốn lưu động} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$$

-> Cứ 100 đồng VLD bỏ ra trong kỳ thì thu được bao nhiêu đồng DT thuần

- *Vòng quay vốn cố định (Hiệu quả sử dụng vốn cố định)*

$$\text{Doanh thu thuần}$$

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Hiệu quả sử dụng vốn cố định = $\frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn cố định bình quân}}$

Vốn cố định bình quân

-> Cứ 100 đồng VCF bỏ ra trong kỳ thì thu được bao nhiêu đồng DT thuần

- Vòng quay toàn bộ vốn

Vòng quay toàn bộ vốn = $\frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng vốn bình quân}}$

-> Cứ 100 đồng tổng vốn bỏ ra trong kỳ thì thu được bao nhiêu đồng DT thuần

3.3.2 Phân tích khả năng sinh lợi.

- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế (sau thuế) trên doanh thu = $\frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100$

-> Trong 100 đồng doanh thu thuần được trong kỳ mang lại cho doanh nghiệp bao nhiêu đồng lợi nhuận

- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng vốn sử dụng (vốn kinh doanh)

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế (sau thuế) trên vốn sử dụng = $\frac{\text{Lợi nhuận trước thuế (sau thuế)}}{\text{Tổng vốn sử dụng bình quân}} \times 100$

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn sử dụng cho biết cứ 100 đồng vốn được sử dụng trong kỳ mang lại bao nhiêu đồng lợi nhuận cho doanh nghiệp

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn cố định:

Lợi nhuận trước thuế (sau thuế)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế (sau thuế)}}{\text{Vốn cố định bình quân}} \times 100$$

-> Cứ 100 đồng vốn cố định sử dụng trong kỳ mang lại cho doanh nghiệp bao nhiêu đồng lợi nhuận

- *Tỷ suất lợi nhuận trên vốn lưu động:*

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế (sau thuế)}}{\text{Vốn lưu động bình quân}} \times 100$$

-> Cứ 100 đồng VNĐ sử dụng trong kỳ mang lại cho doanh nghiệp bao nhiêu đồng lợi nhuận

- *Tỷ suất sinh lời của tài sản*

$$\text{Tỷ suất sinh lời của tài sản} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế + Lãi vay}}{\text{Giá trị tài sản bình quân}} \times 100$$

-> Cứ 100 đồng giá trị tài sản huy động vào sử dụng trong kỳ mang lại cho doanh nghiệp bao nhiêu đồng lợi nhuận và lãi vay

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY NẠO VÉT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY I

I. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY NẠO VÉT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY I

1. Giới thiệu chung

Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I được thành lập ngày 16/02/1957 . Ngày đầu với tên là Công ty tàu cuốc. Khi mới thành lập đơn vị trực thuộc Cục vận tải đường thủy, Bộ thông vận tải và B- u Điện.

Trụ sở chính của công ty: số 8 Nguyễn Tri Phương – Hồng Bàng- Hải Phòng

Điện thoại : 0313.842806

Fax :

Tài khoản : 0200167006

Ngân hàng giao dịch : - NH CP Hàng Hải

- NH Đầu tư và phát triển

Ban đầu khi mới thành lập, từ sự tiếp nhận trụ sở của Sở thủy lục lộ đóng tại Bến Bính phố Juy - lơ (đội khảo sát 6, đường Cù Chính Lan hiện nay) toàn bộ hệ thống quản lý của Sở là 20 người Pháp và 40 người Việt nam. Công ty tàu cuốc có các phòng kỹ thuật, kế hoạch, công trình, nhân sự, tiền lương, xưởng sửa chữa, âu đò, kho cấp vật liệu. Nhiệm vụ là phục vụ công trình xây dựng, mở rộng cảng, nạo vét thông luồng trên toàn xứ Bắc kỳ và Trung Kỳ. Ngày 16/02/1957 Bộ giao thông vận tải và B- u Điện ra nghị định số 34 - NĐ tách ty tàu cuốc ra khỏi Cảng Hải Phòng và thành lập Công ty tàu cuốc trực thuộc Cục vận tải đường thủy, ông Trương Văn Kỳ được chỉ định làm Giám đốc. Tổng số cán bộ công nhân thủy thủ có 453 người với

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

trang thiết bị máy móc: có tàu cuốc Đình Vũ, Cát bà, Cửa Cấm, tàu cuốc 1954, tàu lai gồm TC1,TC2, TC3,TC4, TC5 và tàu Hòa bình, sà lan gồm 8 chiếc SL1, SL2, SL3, SL4, SL5, SL6, SL7, SL8 và 01 sà lan chở n-ớc 50 tấn, 02 sà lan chở than. Ca nô gồm X01, X02, X03. Tổ đo dò và thợ lặn thuộc ban kế hoạch và công trình. Tổ sửa chữa thuộc ban kỹ thuật cơ khí. Tổ kho vật liệu thuộc ban cung ứng. Công tác tổ chức, sắp xếp lực l-ợng lao động, ph-ơng tiện, tổ chức Đảng và các đoàn thể quần chúng phù hợp với cơ sở Quốc doanh có tầm cỡ quốc gia.

Trong những năm chống chiến tranh phá hoại của Đế quốc Mỹ từ năm 1964 đến năm 1973 Công ty đã tham gia nạo vét Kênh đào nhà Lê Thanh Hoá- Nghệ An để tiếp hàng cho chiến tr-ờng phía Miền nam, rà phá bom mìn, thủy lôi do Mỹ ném xuống để phong toả Cảng Hải Phòng. Những năm đó Công ty vừa sản xuất và làm nhiệm vụ phục vụ cho giao thông vận tải cho tiền tuyến đã lập đ-ợc nhiều thành tích mà Đảng và Nhà n-ớc trao tặng.

2. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty

Từ năm 1975 đến năm 1983 Công ty có những nhiệm vụ chủ yếu:

1. Nạo vét đảm bảo giao thông các tuyến sông trên toàn Miền Bắc. Công ty có 4 tàu hút loại 3D6, 10 tàu hút xén thổi loại 3D12, 4 tàu cuốc nhiều gầu tàu cuốc TC57, TC58, TC66, TC85 và các 12 tàu lai , 6 ca nô, 4 x-ởng nổi, 2 sà lan chở n-ớc phục vụ công tác nạo vét đảm bảo giao thông.

2. Trục vớt thanh thải các ch-ởng ngại vật bị đắm trên luồng tàu chạy. Công ty có các Cầu cầu trục vớt sà lan lặn.

3. Sửa chữa các ph-ơng tiện thủy của Công ty và các đơn vị khác. Công ty có hai x-ởng sửa chữa là x-ởng sửa chữa X400 đóng tại km9 đ-ờng 5 , x-ởng sửa chữa X500 tại xã An Tràng Kiến An. Công ty có nhiều máy tiện, máy phay, máy hàn, máy búa và các công cụ khác.

4. Sản xuất vật liệu xây dựng Công ty có nhà máy xi măng Minh Đức đóng tại xã Minh Đức huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Theo quyết định của Bộ giao thông vận tải và B- u Điện Công ty tàu cuốc đ- ợc đổi thành Xí nghiệp nạo vét trực vớt đ- ờng sông I thuộc Liên hiệp các xí nghiệp nạo vét sông Biển, có nhiệm vụ nạo vét và trực vớt, khơi thông luồng lạch từ khu Bốn trở ra. Đầu tháng 12 năm 1984 do yêu cầu tình hình của Liên hiệp, đội trực tàu chuyển sang đơn vị mới. Vì vậy cuối tháng 12 năm 1984 Xí nghiệp lại đổi tên thành Xí nghiệp nạo vét đ- ờng sông I, thuộc Liên hiệp các xí nghiệp giao thông đ- ờng thủy. Đến đầu năm 1991 xí nghiệp lại đ- ợc đổi tên thành Công ty nạo vét đ- ờng sông I, thuộc Liên hiệp các xí nghiệp giao thông đ- ờng thủy. Căn cứ vào quy chế về thành lập và giải thể doanh nghiệp Nhà n- ớc ban hành kèm theo Nghị Định số 388/HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng bộ tr- ởng (nay là Chính Phủ). Đến năm 1993 Công ty nạo vét đ- ờng sông I đ- ợc thành lập lại theo quyết định số 599/QĐ/TCCB - LĐ ngày 05/04/1993 của Bộ tr- ởng Bộ giao thông vận tải về việc thành lập lại Công ty nạo vét đ- ờng sông I trực thuộc Tổng công ty xây dựng đ- ờng thủy. Theo quyết định số 3737/ QĐ/TCCB - LĐ ngày 04/11/1997 của Bộ tr- ởng Bộ giao thông vận tải về việc đổi tên doanh nghiệp Nhà n- ớc : Công ty nạo vét đ- ờng sông I đ- ợc đổi thành Công ty nạo vét đ- ờng thủy I trực thuộc Tổng công ty xây dựng đ- ờng thủy. Theo quyết định số 3539/QĐ - BGTVT ngày 25/10/2001 của Bộ tr- ởng Bộ giao thông vận tải về việc đổi tên cho doanh nghiệp Nhà n- ớc: Công ty nạo vét đ- ờng thủy I đ- ợc đổi tên thành Công ty nạo vét và xây dựng đ- ờng thủy I trực thuộc Tổng công ty xây dựng đ- ờng thủy.

Đăng ký kinh doanh số 111069 do Sở Kế hoạch và Đầu t- thành phố Hải phòng cấp lại ngày 15/09/2006

Năm 1997 theo quyết định số 325 QĐ/TC -LĐ ngày 29/04/1997 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty xây dựng đ- ờng thủy về việc điều nguyên canh đoàn tàu cuốc nhiều gầu TC91 của công ty sang Công ty Công trình 4 nay là Công ty cổ phần thi công cơ giới. Trực thuộc Tổng công ty. Năm 2002 theo quyết định số 786/QĐ - TC - LĐ ngày 17/06/2002 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty xây dựng đ- ờng thủy về việc tách nguyên trạng xí nghiệp tàu cuốc Sông Biển của

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Công ty nạo vét và xây dựng đường thủy I sang Công ty đầu tư và xây dựng thương mại trực thuộc Tổng công ty

3. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty

- Nạo vét, san lấp mặt bằng.
- Xây dựng các công trình thủy
- Sửa chữa công trình thủy
- Mặt hàng nạo vét và san lấp là thế mạnh của Công ty hiện nay. Hàng năm công ty phải căn cứ vào kết quả thực hiện của năm trước đó cùng năng lực thiết bị, thị trường đã nắm được để lập kế hoạch về các chỉ tiêu sản xuất cho năm sau.

4. Mô hình cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty(Biểu số 1)

Bộ máy tổ chức quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty NV và XD đường thủy I gồm :

- Bộ phận quản lý .
- Khối hành chính (các phòng ban nghiệp vụ)
- Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Chi nhánh Đà Nẵng
- Các Xí nghiệp trực thuộc
- Các công trình nạo vét do công ty quản lý trực tiếp.

4.1. Bộ máy lãnh đạo của Công ty

* **Giám đốc**: Quản lý toàn bộ mọi hoạt động của công ty, soạn thảo công bố chính sách, chiến lược, chịu trách nhiệm cao nhất đối với chất lượng sản phẩm, phân công trách nhiệm quyền hạn cho các cán bộ lãnh đạo từ cấp trưởng phòng trở lên, sắp xếp, bố trí cán bộ, tổ chức sản xuất theo yêu cầu của hệ thống chất lượng. Tổ chức chỉ đạo, phê duyệt các báo cáo, hợp đồng tiêu thụ sản phẩm.

* **Phó giám đốc thị trường**: (Báo cáo giám đốc)

Thay mặt giám đốc trong công tác tìm kiếm khách hàng nạo vét, Phụ trách trực tiếp phòng Thị trường

* **Phó giám đốc kỹ thuật**: (Báo cáo giám đốc)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

- Thay mặt Giám đốc giải quyết nhiều công việc được uỷ quyền khi Giám đốc đi vắng
 - Chịu trách nhiệm về hoạt động toàn bộ của phòng quản lý thiết bị và xí nghiệp sửa chữa cơ khí 88.
 - Đối với đoàn tàu trực thuộc: Duyệt dự toán, quyết toán sửa chữa các ph-ong tiện nạo vét,
 - Điều độ sản xuất công nghiệp tại xí nghiệp cơ khí 88, quản lý toàn bộ hoạt động liên quan công tác gia công vật t- phụ tùng thay thế
- * **Phó giám đốc sản xuất:** (Báo cáo giám đốc)
 - Chịu trách nhiệm về toàn bộ công tác sản xuất nạo vét xây dựng của toàn công ty trực tiếp phụ trách phòng Kế hoạch sản xuất
 - Kiểm soát chất l- ượng công trình nạo vét và công trình xây dựng
- * **Phó giám đốc nội chính:** (Báo cáo giám đốc)
 - Chịu trách nhiệm về hoạt động của phòng : Phòng hành chính, Trung tâm dịch vụ tổng hợp, công tác xây dựng cơ bản nếu có ...
 - Phê duyệt kế hoạch xây dựng cơ bản nội bộ, kiểm soát hoạt động của các bộ phận đ- ợc giao phụ trách.

4.2 Các phòng, ban có nhiệm vụ sau:

* Phòng thị trường (Báo cáo Giám đốc và phó Giám đốc thị trường) có nhiệm vụ tìm kiếm thị trường tiêu thụ, tìm kiếm khách hàng , xây dựng các hồ sơ dự thầu, đấu thầu, lập kế hoạch tiêu thụ sản phẩm và các kế hoạch khác.

* **Phòng kế hoạch sản xuất :** (Báo cáo giám đốc, phó giám đốc sản xuất)
Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, ngắn hạn, trung hạn, ký kết các hợp đồng kinh tế, tổ chức theo dõi quá trình thi công trên các công trình

* **Phòng Tổ chức lao động:** (Báo cáo giám đốc)
Quản lý công tác tổ chức lao động tiền lương, BHXH và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công nhân viên, quản lý công tác an toàn lao động, công tác huấn luyện khảo thi nâng bậc, nâng lương...

* **Phòng tài chính kế toán:** (Báo cáo giám đốc)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Quản lý công tác tài chính, theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty dưới hình thức tiền tệ, mua sắm vật tư thiết bị, tập hợp các chi phí sản xuất, tính giá thành thành phẩm, tình hình tiêu thụ sản phẩm, xác định kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Báo cáo quyết toán tài chính quý, năm trình Giám đốc phê duyệt và báo cáo các cơ quan có thẩm quyền

Thực hiện chi trả các khoản l- ơng và các chính sách khác đến tay ng- ời lao động.

***Phòng quản lý thiết bị:** (Báo cáo giám đốc, phó giám đốc kỹ thuật).

Thiết kế, triển khai, lập quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, quản lý kỹ thuật, chuẩn bị công nghệ, máy móc cho sản xuất, ban hành hệ thống chỉ tiêu, xác định thống số kỹ thuật với các loại TSCĐ, lập định mức tiêu hao vật tư, năng lượng cho công ty.

Soạn thảo các hợp đồng mua nguyên vật liệu, tổ chức thu mua vận chuyên, cấp phát vật tư cho sản xuất đồng thời có nhiệm vụ vận chuyển, giao hàng cho các đoàn tàu sản xuất.

Quản lý hệ thống kho tàng vật tư hàng hoá và sản phẩm dịch của công ty, quản lý thiết bị sản xuất, tổ chức bốc xếp hàng hoá.

*** Phòng hành chính:** (Báo cáo giám đốc, phó giám đốc nội chính)

Quản lý công tác hành chính văn th- , bảo mật, thông tin liên lạc, đánh máy, invãn bản, quản lý xe chỉ huy, chăm sóc sức khoẻ cán bộ, công nhân viên, nh- khám sức khoẻ định kỳ, cấp phát thuốc y tế cho các ph- ơng tiện nạo vét

5. Cơ cấu bộ máy sản xuất.

Quá trình hình thành và phát triển của công ty đã cho thấy sản xuất nạo vét, san lấp mặt bằng là sản phẩm chính của Công do đó công ty tổ chức 4 xí nghiệp , 01 chi nhánh, một trung tâm dịch vụ, một đại diện, 5 đoàn tàu trực thuộc công ty, phù hợp đặc điểm công nghệ sản xuất nạo vét hiện tại.

5.1. Các xí nghiệp đơn vị: (hạch toán phụ thuộc)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

*** Xí nghiệp tàu hút sông I**

Có trụ sở tại số 8 Nguyễn tri Ph- ong, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Xí nghiệp quản lý trực tiếp 05 tàu hút xén thổi chuyên làm công tác nạo vét san lấp mặt bằng

Bộ máy gồm: Ban giám đốc xí nghiệp, ban kế hoạch kỹ thuật vật t- , ban kế toán tài vụ ban phục vụ

*** Xí nghiệp tàu hút sông II :**

Có trụ sở tại số 8 Nguyễn tri Ph- ong, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Xí nghiệp quản lý trực tiếp 03 tàu hút xén thổi chuyên làm công tác nạo vét san lấp mặt bằng

Bộ máy gồm: Ban giám đốc xí nghiệp, ban kế hoạch kỹ thuật vật t- , ban kế toán tài vụ ban phục vụ

*** Xí nghiệp xây dựng công trình:**

Có trụ sở tại số 8 Nguyễn tri Ph- ong, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Xí nghiệp quản lý trực tiếp 01 tàu hút xén thổi chuyên làm công tác nạo vét san lấp mặt bằng

Xí nghiệp có chức năng xây dựng các công trình thủy, công trình dân dụng v.v

Bộ máy gồm: Ban giám đốc xí nghiệp, ban kế hoạch kỹ thuật vật t- , ban kế toán tài vụ ban phục vụ.

*** Xí nghiệp sửa chữa cơ khí 88:**

Có trụ sở tại số 8 Nguyễn tri Ph- ong, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Xí nghiệp quản lý trực tiếp 01 tàu hút xén thổi chuyên làm công tác nạo vét san lấp mặt bằng

Xí nghiệp có cơ sở vật chất sửa chữa tại Xã An Tràng Kiến An để sửa chữa các ph- ong tiện thủy của toàn Công ty và các khách hàng ngoài Công ty

Bộ máy gồm: Ban giám đốc xí nghiệp, ban kế hoạch kỹ thuật vật t- , ban kế toán tài vụ ban phục vụ

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

*** Chi nhánh công ty tại thành phố Hồ Chí Minh :**

Có trụ sở đóng tại số 1E, phố Mê Linh, ph- ờng 26, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh quản lý trực tiếp 03 tàu hút xén thổi sản xuất nạo vét và san lấp các công trình khu vực đồng bằng Nam Bộ.

Bộ máy gồm: Ban giám đốc xí nghiệp, ban kế hoạch kỹ thuật vật t- , ban kế toán tài vụ.

*** Đại diện công ty tại thành phố Đà Nẵng**

Có trụ sở tại số 10, phố Phan Bội Châu, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

*** Trung tâm dịch vụ tổng hợp**

Có trụ sở tại số 8 Nguyễn Tri Ph- ơng, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Nhiệm vụ cung cấp vật t- thiết bị cho công tác sửa chữa và đầu t- trong toán Công ty và các đơn vị khác

Bộ máy gồm: Ban giám đốc, ban kế hoạch, ban kế toán.

5.2. Các đoàn tàu trực thuộc Công ty:

* **Đoàn tàu Thái Bình Dương:** Là một con tàu hút bọng tự hành có tính năng phun lên bờ đ- ợc đóng tại Hà Lan bằng nguồn vốn vay ODA của Chính Phủ Cộng hoà liên bang Đức thông qua Ngân hàng KFW.

* **Đoàn tàu HA97:** là đoàn tàu Công ty đầu t- năm 1997 bằng vốn vay tín dụng theo kế hoạch Nhà n- ớc. Tàu có công suất 4170 Cv . Mua của hãng Elicoot Mỹ.

* **Đoàn tàu HP2000:** Là đoàn đ- ợc đầu t- năm 2000 bằng nguồn vốn vay tín dụng th- ơng mại Ngân hàng công th- ơng Hồng bàng, Hải Phòng. Tàu có công suất 1.200 Cv. Mua của hãng IHC Hà lan.

* **Đoàn Tàu TC02:** Là đoàn tàu đ- ợc đầu t- năm 2002 bằng vốn vay trung hạn Chi nhánh Ngân hàng Đầu t- và Phát triển Hải Phòng, Đ- ợc hoán cải từ tàu hút bùn lấp đặt cần cầu 100T, gầu ngoạm 6m³

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

* **Đoàn tàu PK6:** Là đoàn tàu suất sứ từ Hà lan đ-ợc bàn giao cho Công ty sử dụng khai thác từ năm 1982, là vốn Ngân sách cấp.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

6. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán của Công ty (Biểu số 2)

Do đặc điểm của công ty là một đơn vị kinh doanh tổng hợp phân hành kế toán phát sinh nhiều nh- : kế toán hàng hoá, kế toán thanh toán, kế toán quỹ và kế toán tổng hợp. Nh- vậy, bộ máy kế toán của công ty gồm Tr- ởng phòng, 02 phó phòng và 03 nhân viên.

- **Kế toán tr- ởng (tr- ởng phòng)** là ng- ời đứng đầu bộ phận kế toán chịu trách nhiệm trong việc tổ chức và chỉ đạo toàn diện công tác kế toán tại Công ty, đồng thời là ng- ời giúp Giám đốc trong việc tổ chức thông tin kinh tế và tổ chức phân tích hoạt động kinh tế trong Công ty. Tr- ởng phòng kết hợp với phó phòng có nhiệm vụ tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học, hợp lý, h- ớng dẫn toàn bộ công việc kế toán trong phòng, đảm bảo cho từng nhân viên phát huy hết khả năng, chuyên môn của họ, kiểm tra việc chấp hành chế độ kế toán và chế độ quản lý kinh tế theo Pháp luật của Nhà N- ớc

- **Kế toán bán hàng (phó phòng):** theo dõi quản lý các khoản thu từ khách hàng trong toàn công ty. Cuối kỳ báo cáo phải thực hiện công việc đối chiếu công nợ với khách hàng, quản lý sổ thẻ khách hàng ...lập kế hoạch thu nợ và thực hiện công tác thu nợ ...cùng kế toán tr- ởng theo dõi h- ớng dẫn các đơn vị, công tr- ờng kê khai và quyết toán thuế với các đơn vị nơi phát sinh doanh thu.

- **Kế toán Tổng hợp:** hàng quý lập các Báo cáo tài chính gồm có: Bảng cân đối kế toán, Bảng kết quả hoạt động kinh doanh, Thuyết minh báo cáo tài chính, bảng cân đối tài khoản, Bảng tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà n- ớc. Giữ sổ cái tổng hợp cho tất cả các phân hành và ghi sổ cái tổng hợp, lập các Báo cáo Kế toán quản trị theo yêu cầu của Tổng công ty. Tính giá thành tổng hợp và chi tiết các công trình.

- **Kế toán Nguyên vật liệu, vật t- :** Theo dõi tình hình nhập, xuất tiêu hao nguyên vật liệu, vật t- . Định kỳ kiểm kê nguyên vật liệu, vật t- .

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

- **Kế toán Ngân hàng:** Trực tiếp việc thực hiện việc giao dịch với ngân hàng, thông qua việc theo dõi tiền gửi, tiền vay, tiền đang chuyển. Giám sát thủ quỹ thực hiện kiểm quỹ tiền mặt hàng tháng, quản lý chứng từ giao dịch ngân hàng

- **Kế toán tiền lương , kế toán thanh toán:** chịu trách nhiệm về trích quỹ tiền lương, theo dõi và trừ tạm ứng lương, quỹ trích lập các nghiệp vụ về BHYT, BHXH KPCĐ..., kiểm tra lại các chứng từ khi chi tiền, lập phiếu thu, chu trình kế toán trả lương và Giám đốc công ty phê duyệt

- **Kế toán Tài sản cố định:** Theo dõi vật tư, tài sản (hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tăng, giảm, khấu hao, sửa chữa ..TSCĐ) của toàn công ty.

- **Thủ quỹ :** theo dõi các giao dịch về tiền mặt tại quỹ công ty, thu chi tiền khi có đủ các chứng từ và đủ các văn bản kèm theo và đã có phê duyệt của người có thẩm quyền.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

6.2. Công tác tổ chức kế toán

6.2.1 Hình thức sổ kế toán

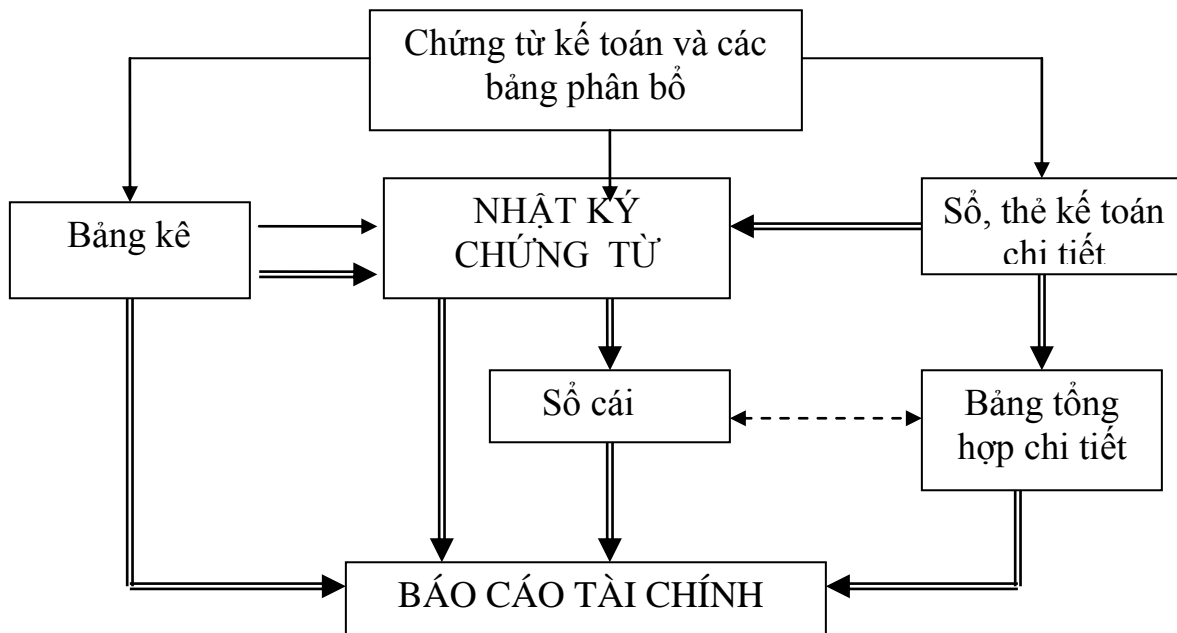
Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I là doanh nghiệp có quy mô lớn, hàng ngày chứng từ kế toán phát sinh nhiều, Công ty đã áp dụng hình thức kế toán phù hợp với đặc điểm kế toán của công ty mình là nhật ký chứng từ. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đều phải được phản ánh vào sổ Nhật ký chứng từ hoặc bảng kê tổng hợp theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chứng từ và bảng kê để tổng hợp lên Sổ cái

Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký – chứng từ từ số 1 đến số 10
- Bảng kê từ số 1 đến số 10
- Sổ cái
- Bảng phân bổ, các sổ thẻ, kế toán chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết.

6.2.2. Quy trình luân chuyển chứng từ

BIỂU SỐ 3: QUY TRÌNH LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã đ- ợc kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký chứng từ hoặc Bảng kê, Sổ chi tiết liên quan

Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các Bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký chứng từ có liên quan. Đối với Nhật ký chứng từ đ- ợc ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của Bảng kê, Sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký chứng từ.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ cái.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các Sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các Sổ, thẻ liên quan. Cuối tháng, cộng các Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Báo cáo tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ cái.

Số liệu tổng cộng ở Sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính

6.2.3. Các chính sách kế toán của doanh nghiệp

Tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I việc lập Báo cáo tài chính được tiến hành theo năm. Hệ thống Báo cáo kế toán tài chính của Công ty gồm có :

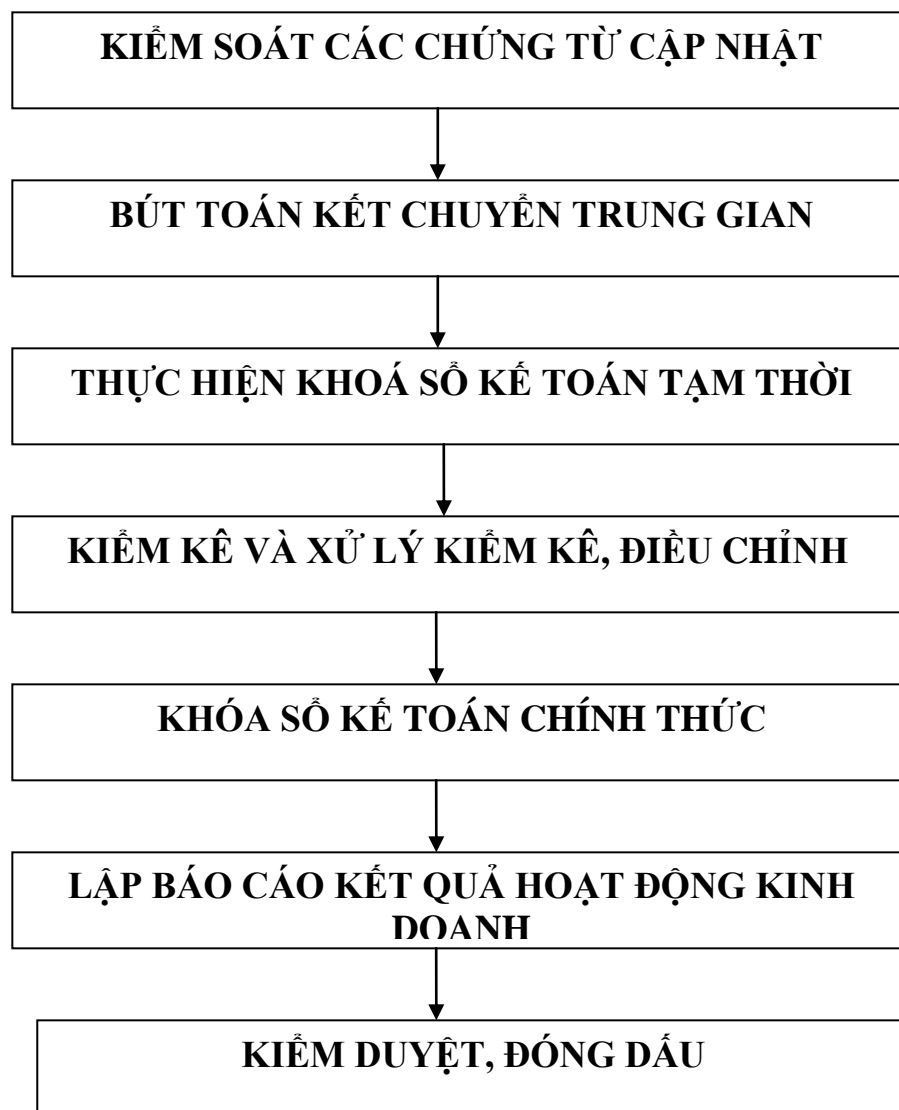
- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Ngoài ra công ty còn báo cáo các biểu khác theo yêu cầu của công ty xây dựng đường thủy là cơ quan cấp trên của công ty:

- Bảng tổng hợp giá thành
- Chi tiết giá thành các sản phẩm
- Bảng cân đối số phát sinh
- Bảng tổng hợp doanh thu và thuế
- Kế hoạch tài chính theo công trình
- Báo cáo tình hình HĐSX kinh doanh của công ty...

II. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÔNG TY NẠO VẾT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY I

1. Trình tự lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty



Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

1.1 Kiểm soát chứng từ cập nhật

Cơ sở số liệu để lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ này là báo cáo kết quả kinh doanh được lập tại kỳ trước và hệ thống sổ kế toán (Sổ tổng hợp và sổ chi tiết các tài khoản) của kỳ kế toán cần lập báo cáo.

Một trong những yêu cầu được xem là quan trọng nhất của thông tin phản ánh trên Báo cáo hoạt động kinh doanh là tính chính xác, trung thực và khách quan. Để đáp ứng nhu cầu đó thì cơ sở số liệu để lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cũng phải chính xác trung thực và khách quan. Vì thế trước khi sử dụng thông tin trên hệ thống sổ sách kế toán để lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, công ty đã thực hiện các nghiệp vụ biện pháp cụ thể để kiểm soát thông tin trên sổ kế toán, việc này thường được tiến hành vào cuối năm và bằng cách kiểm soát các nghiệp vụ ghi sổ kế toán có bằng chứng hay không, nghĩa là các nghiệp vụ được phản ánh trong hệ thống sổ kế toán tổng hợp và hệ thống sổ kế toán chi tiết có chứng từ hay không. Trình tự kiểm soát được tiến hành như sau:

- Sắp xếp chứng từ kế toán theo trật tự thời gian phát sinh.
- Đối chiếu nội dung kinh tế, số tiền phát sinh từng chứng từ với nội dung kinh tế, số tiền của từng nghiệp vụ được phản ánh trong nhật ký chứng từ.
- Kiểm soát quan hệ đối ứng tài khoản trong nhật ký chứng từ
- Đối chiếu số liệu giữa nhật ký chứng từ và sổ cái các tài khoản.
- Đối chiếu giữa sổ chi tiết và bảng tổng hợp chi tiết.

1.2 Thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian

Vì các tài khoản trung gian thuộc nhóm 5,6,7,8,9 không có số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ mà chỉ có số phát sinh trong kỳ nên kế toán tiến hành kết chuyển hết số phát sinh của các tài khoản này trước khi khoá sổ kế toán.

1.3 Thực hiện khoá sổ kế toán tạm thời

Sau khi thực hiện kiểm soát các nghiệp vụ ghi sổ kế toán là có thực, được phản ánh đầy đủ, chính xác và kết thúc bút toán kết chuyển trung gian. Bút toán

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

thực hiện khoá sổ kế toán để xác định số phát sinh, số dư nợ, có của mỗi tài khoản được phản ánh trên sổ kế toán.

1.4 Kiểm kê, xử lý kiểm kê, điều chỉnh

Để thông tin kế toán phản ánh đúng thực trạng tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh, một công tác không thể thiếu được trong tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức lập báo cáo tài chính nói riêng là kiểm kê tài sản và lập biên bản xử lý kiểm kê.

Tại công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I việc kiểm kê được thực hiện vào cuối năm. Ngoài ra, tại Công ty còn duy trì chế độ kiểm kê bất thường nhằm mục đích tăng cường công tác quản lý tình hình tài chính cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kết thúc quá trình kiểm kê, ban kiểm tra lập biên bản kiểm kê gửi về phòng kế toán. Căn cứ vào biên bản kiểm kê, kế toán xử lý kiểm kê

- Trường hợp có thừa thiếu tài sản nhưng biên bản xử lý kiểm kê ghi rõ hạch toán vào kỳ báo cáo sau thì chấp nhận kết quả khoá sổ tạm thời và bảng cân đối phát sinh tạm thời .

- Trường hợp có thừa thiếu tài sản nhưng biên bản xử lý kiểm kê ghi rõ hạch toán thừa, thiếu tài sản vào kỳ báo cáo, kế toán thực hiện bút toán điều chỉnh lại bút toán.

1.5. Khoá sổ kế toán chính thức

Trong trường hợp khi kiểm kê có thừa, thiếu tài sản và được xử lý kiểm kê ngay tại kỳ báo cáo hiện tại thì sau khi điều chỉnh các bút toán cần thiết, kế toán tiến hành khoá sổ chính thức.

1.6 Lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Việc lập Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I được căn cứ vào số liệu sau khi khoá sổ kế toán và được lập đúng nội dung, phương pháp và trình bày nhất quán giữa các kỳ kế toán.

1.7. Kiểm duyệt, đóng dấu

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Sau khi lập xong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh người lập, kế toán trưởng và Giám đốc (hoặc người đại diện theo pháp luật của đơn vị) ký, đóng dấu của đơn vị

2. Thực trạng lập Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

2.1. Căn cứ lập Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2009 tại Công ty

Cuối niên độ sau khi khóa sổ, căn cứ vào số liệu trên sổ sách kế toán như: Sổ cái các TK 511, 632, 635, 642, 711, 811, 812, 911, 421... kế toán lập các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Biểu số 5 (trích Sổ cái TK 511 năm 2009)

Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I Số 8 Nguyễn Tri Phương-Hồng Bàng-HP	Mẫu số S05 - DN <i>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>
---	--

SỔ CÁI TK 511

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số dư đầu kỳ	
Nợ	Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với các TK này	Tháng 9	...	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
911	1.134.171.113			30.183.623.480	50.344.578.143
...					
Cộng SPS Nợ	1.134.171.113			30.183.623.480	50.344.578.143
Tổng SPS Có	1.134.171.113			30.183.623.480	50.344.578.143
Dư nợ cuối tháng					
Dư có cuối tháng					

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Biểu số 6 (trích Sổ cái TK 632 năm 2009)

Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I Số 8 Nguyễn Tri Phương-Hồng Bàng-HP	Mẫu số S05 - DN <i>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>
---	--

SỔ CÁI TK 632

Giá vốn

Số dư đầu kỳ	
Nợ	Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với các TK này	Tháng 9	...	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
154	1.567.805			37.101.211.745	43.203.380.321
...					
Cộng SPS Nợ	1.567.805			37.101.211.745	43.203.380.321
Tổng SPS Có	1.567.805			37.101.211.745	43.203.380.321
Dư nợ cuối tháng					
Dư có cuối tháng					

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Biểu số 7 (trích Sổ cái TK 515 năm 2009)

Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I Số 8 Nguyễn Tri Phương-Hồng Bàng-HP	Mẫu số S05 - DN <i>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>
---	--

SỔ CÁI TK 515

Doanh thu hoạt động tài chính

Số dư đầu kỳ	
Nợ	Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với các TK này	Tháng 9	...	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
911	11.673.130			8.123.131	42.032.120
...					
Cộng SPS Nợ	11.673.130			8.123.131	42.032.120
Tổng SPS Có	11.673.130			8.123.131	42.032.120
Dư nợ cuối tháng					
Dư có cuối tháng					

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Biểu số 8 (trích Sổ cái TK 635 năm 2009)

Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I Số 8 Nguyễn Tri Phương-Hồng Bàng-HP	Mẫu số S05 - DN <i>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>
---	--

SỔ CÁI TK 635

Chi phí tài chính

Số dư đầu kỳ	
Nợ	Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với các TK này	Tháng 9	...	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
335	370.374.154			1.212.571.602	2.804.500.707
...					
Cộng SPS Nợ	370.374.154			1.212.571.602	2.804.500.707
Tổng SPS Có	370.374.154			1.212.571.602	2.804.500.707
Dư nợ cuối tháng					
Dư có cuối tháng					

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Biểu số 9 (trích Sổ cái TK 642 năm 2009)

Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I Số 8 Nguyễn Tri Phương-Hồng Bàng-HP	Mẫu số S05 - DN <i>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>
---	--

SỔ CÁI TK 642

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số dư đầu kỳ	
Nợ	Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với các TK này	Tháng 9	...	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
111				63.073.711	
141	116.757.753			38.744.303	
214	10.306.324			10.453.068	
334	183.535.300			183.535.300	
338	21.100.600			21.100.600	
...					
Cộng SPS Nợ	660.730.234			350.100.026	3.831.062.745
Tổng SPS Có	660.730.234			350.100.026	3.831.062.745
Dư nợ cuối tháng					
Dư có cuối tháng					

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Biểu số 10 (trích Sổ cái TK 711 năm 2009)

Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I Số 8 Nguyễn Tri Phương-Hồng Bàng-HP	Mẫu số S05 - DN <i>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>
---	--

SỔ CÁI TK 711

Thu nhập khác

Số dư đầu kỳ	
Nợ	Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với các TK này	Tháng 9	...	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
911	120.480.840			120.173.114	455.600.660
...					
Cộng SPS Nợ	120.480.840			120.173.114	455.600.660
Tổng SPS Có	120.480.840			120.173.114	455.600.660
Dư nợ cuối tháng					
Dư có cuối tháng					

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Biểu số 11 (trích Sổ cái TK 811 năm 2009)

Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I Số 8 Nguyễn Tri Phương-Hồng Bàng-HP	Mẫu số S05 - DN <i>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>
---	--

SỔ CÁI TK 811

Chi phí khác

Số dư đầu kỳ	
Nợ	Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với các TK này	Tháng 9	...	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
141				14.721.000	
152	101.772.834				
138	7.805.400			38.676.071	
...					
Cộng SPS Nợ	111.678.324			65.508.071	304.076.353
Tổng SPS Có	111.678.324			65.508.071	304.076.353
Dư nợ cuối tháng					
Dư có cuối tháng					

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Biểu số 12 (trích Sổ cái TK 821 năm 2009)

Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I Số 8 Nguyễn Tri Phương-Hồng Bàng-HP	Mẫu số S05 - DN <i>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>
---	--

SỔ CÁI TK 821

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số dư đầu kỳ	
Nợ	Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với các TK này	Tháng 9	...	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
3334				125.577.036	125.577.036
...					
Cộng SPS Nợ				125.577.036	125.577.036
Tổng SPS Có				125.577.036	125.577.036
Dư nợ cuối tháng					
Dư có cuối tháng					

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Biểu số 13 (trích Sổ cái TK 911 năm 2009)

Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I Số 8 Nguyễn Tri Phương-Hồng Bàng-HP	Mẫu số S05 - DN <i>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>
---	--

SỔ CÁI TK 911

Xác định kết quả kinh doanh

Số dư đầu kỳ	
Nợ	Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với các TK này	Tháng 9	...	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
632	1.567.805			37.101.211.745	43.203.380.321
642	660.730.234			350.100.026	3.830.062.745
635	370.374.154			1.212.571.602	2.804.500.706
811	111.678.324			65.508.071	304.076.353
821				125.577.036	125.577.036
...					
Cộng SPS Nợ	1.277.446.304			42.324.041.846	50.842.323.043
Tổng SPS Có	1.277.446.304			42.324.041.846	50.842.323.043
Dư nợ cuối tháng					
Dư có cuối tháng					

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Biểu số 14 (trích Sổ cái TK 421 năm 2009)

Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I Số 8 Nguyễn Tri Phương-Hồng Bàng-HP	Mẫu số S05 - DN <i>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>
---	--

SỔ CÁI TK 421

Lợi nhuận chưa phân phối

Số dư đầu kỳ	
Nợ	Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với các TK này	Tháng 9	...	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
1331	18.372.325		60.178.074		
138	4.612.265			20.612.165	
...					
Cộng SPS Nợ	22.984.590		60.178.074	20.612.165	141.741.744
Tổng SPS Có	-		-	241.372.437	351.372.437
Dư nợ cuối tháng					
Dư có cuối tháng	105.535.032		20.612.165	241.372.437	351.372.437

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Mẫu số S05 – DN

Số 8 Nguyễn Tri Phương-Hồng Bàng-HP (*Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC*)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2008

Đơn vị tính: Đồng

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay (2008)	Năm trước (2007)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	42.634.089.377	29.227.129.504
2. Các khoản giảm trừ doanh thu			0	0
3 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10= 01- 02)	10		42.634.089.377	29.227.129.504
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	35.118.158.420	24.995.744.707
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		7.515.930.957	4.231.384.797
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	17.825.449	21.377.479
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	3.265.072.184	756.146.983
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.265.072.184	738.920.450
8. Chi phí bán hàng	24		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.265.096.779	3.281.016.395
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20+ (21-22) – (24+25)}	30		3.587.443	215.598.898
11. Thu nhập khác	31		369.613.920	1.434.079.825
12. Chi phí khác	32		176.183.509	1.266.695.838
13. Lợi nhuận khác(40 = 31 – 32)	40		193.430.411	167.383.987

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+ 40)	50		197.017.854	382.982.885
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	55.164.999	107.235.208
16. Chi phí TNDN hoãn lại	52	VI.30	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		141.852.855	275.747.677
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0

Người lập biểu
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 05 tháng 03 năm 2008

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

2.2 Nội dung và phương pháp lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2007 tại Công ty

- Cột 1 để ghi tên các chỉ tiêu.

- “Mã số” ghi ở cột 2 dùng để cộng khi lập báo cáo tài chính tổng hợp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất.

- Số liệu ghi ở cột 3 “Thuyết minh” của báo cáo năm 2009 thể hiện số liệu chi tiết của chỉ tiêu này trong bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2009.

- Số liệu ghi ở cột 5 “Năm trước” của báo năm 2009 được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 4 “Năm nay” của từng chỉ tiêu tương ứng của báo cáo này năm 2008

- Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu ở cột 4 Năm nay thực hiện theo chuẩn mực kế toán hiện hành, cụ thể như sau:

(1). Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng doanh thu thu được từ việc nạo vét, san lấp mặt bằng, xây dựng các công trình thủy và sửa chữa phương tiện thủy của Công ty. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế phát sinh bên Có của TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

Năm 2009 chỉ tiêu này có giá trị là: 50.344.578.143 đồng

(2). Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)

Chỉ tiêu này ở công ty không phát sinh

Năm 2009, chỉ tiêu này có giá trị là 0 đồng

(3) Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)

Mã số 10 = Mã số 01 - Mã số 02

Chỉ tiêu này phản ánh số doanh thu năm 2009 đã trừ các khoản giảm trừ trong năm 2009, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Năm 2009 chỉ tiêu này có giá trị là: 50.344.578.143 đồng

(4) Giá vốn hàng bán (Mã số 11)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá vốn của thành phẩm hay là giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ hoàn thành đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán trong năm 2009. Số liệu ghi chỉ tiêu này là Luỹ kế số phát sinh bên Có TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Năm 2009 chỉ tiêu này có giá trị là: 43.203.380.321 đồng

(5) Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 20)

Chỉ tiêu này phản ánh số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ gia công với giá vốn hàng bán phát sinh trong năm 2009

Mã số 20 = Mã số 10 – Mã số 11

Năm 2009 chỉ tiêu này có giá trị là: 7.41.197.822 đồng

(6) Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

Chỉ tiêu này phản ánh chủ yếu số tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng phát sinh tại Công ty. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là luỹ kế số phát sinh bên Nợ TK 515 đối ứng với bên Có TK 911 trên Sổ Cái

Năm 2009 chỉ tiêu này có giá trị là: 42.032.120 đồng

(7) Chi phí tài chính (Mã số 22)

Chỉ tiêu này phản ánh chủ yếu tiền lãi vay phải trả phát sinh tại Công ty. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là luỹ kế số phát sinh bên Có TK 635 “Chi phí tài chính” đối ứng với bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong năm 2009 trên Sổ Cái.

Năm 2009 chỉ tiêu này có giá trị là: 2.804.500.706 đồng

(8) Chi phí bán hàng (Mã số 24)

Do đặc thù của Công ty là chuyên nạo vét, san lấp mặt bằng, xây dựng các công trình thủy và sửa chữa phương tiện thủy ... theo đơn đặt hàng, nên không phát sinh khoản chi phí này.

Năm 2009, chỉ tiêu này có giá trị là 0 đồng

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

(9) Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 25)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh tại Công ty trong năm 2009. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp” đối ứng với bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Trong năm 2009 giá trị của chỉ tiêu này là: 3.830.062.745 đồng

(10) Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (Mã số 30)

Chỉ tiêu này phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm 2009. Chỉ tiêu này được tính bằng lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ cộng với doanh thu hoạt động tài chính trừ đi chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Mã số 30 = Mã số 20 +(Mã số 21 - Mã số 22) - Mã số 24 - Mã số 25

Năm 2009 chỉ tiêu này có giá trị là: 448.666.491: đồng

(11) Thu nhập khác (Mã số 31)

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản thu nhập khác như nhượng bán, thanh lý các TSCĐ cũ, thu nhập từ quà biếu, quà tặng nhân các ngày lễ,... phát sinh tại Công ty trong năm 2009. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh Nợ TK 711 “Thu nhập khác” đối ứng với bên Có của TK 911 trong năm báo cáo trên Sổ Cái.

Năm 2009 chỉ tiêu này có giá trị là: 455.600.660 đồng

(12) Chi phí khác (Mã số 32)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng các khoản chi phí phát sinh trong năm 2009 như chi phí bị phạt do vi phạm hợp đồng, chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ,... Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có TK 811 “Chi phí khác” đối ứng bên Nợ TK 911 trong năm báo cáo trên Sổ Cái.

Năm 2009 chỉ tiêu này có giá trị là: 304.076.353 đồng

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

(13) Lợi nhuận khác (Mã số 40)

Chỉ tiêu này phản ánh số chênh lệch giữa thu nhập khác (sau khi đã trừ đi thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp) với chi phí khác phát sinh trong năm 2009

$$\text{Mã số 40} = \text{Mã số 31} - \text{Mã số 32}$$

Năm 2009 chỉ tiêu này có giá trị là: 151.524.307 đồng

(14) Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (Mã số 50)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số lợi nhuận kế toán thực hiện trong năm 2009 trước khi trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ, hoạt động khác phát sinh trong năm 2009

$$\text{Mã số 20} = \text{Mã số 30} + \text{Mã số 40}$$

Năm 2009 chỉ tiêu này có giá trị là: 600.190.798 đồng

(15) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)

Chỉ tiêu này phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm 2009

$$\text{Mã số 51} = \text{Mã số 50} * \text{thuế suất thuế TNDN (năm 2009 là 28 \%)}$$

Năm 2009 chỉ tiêu này có giá trị là: 168.053.423 đồng

(16) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)

Chỉ tiêu này trong năm 2009 không phát sinh nên có giá trị bằng 0 đồng

(17) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 60)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số lợi nhuận thuần sau thuế từ các hoạt động của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này được tính bằng tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

$$\text{Mã số 60} = \text{Mã số 50} - (\text{Mã số 51} + \text{Mã số 52})$$

Năm 2009 chỉ tiêu này có giá trị là: 432.137.375 đồng

(18) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Mã số 70)

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Năm 2009, Công ty vẫn là một doanh nghiệp Nhà nước chưa thực hiện cổ phần hóa nên chỉ tiêu này không phát sinh

Năm 2009 chỉ tiêu này có giá trị là: 0 đồng

Sau đây là Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 của Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Mẫu số S05 – DN

Số 8 Nguyễn Tri Phương-Hồng Bàng-HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay (2009)	Năm trước (2008)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	50.344.578.143	42.634.089.377
2. Các khoản giảm trừ doanh thu			0	0
3 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01- 02)	10		50.344.578.143	42.634.089.377
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	43.303.380.321	35.118.158.420
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		7.041.197.822	7.515.930.957
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	42.032.120	17.825.449
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	2.804.500.706	3.265.072.184
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.804.500.706	3.265.072.184
8. Chi phí bán hàng	24		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.830.062.745	4.265.096.779
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+ (21-22) – (24+25)}	30		448.666.491	3.587.443
11. Thu nhập khác	31		455.600.660	369.613.920

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

12. Chi phí khác	32		304.076.353	176.183.509
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		151.524.307	193.430.411
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+ 40)	50		600.190.798 (403.172.944)	197.017.854 304,63%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	168.053.423 (112.888.424)	55.164.999 nt
16. Chi phí TNDN hoãn lại	52	VI.30	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		432.137.375 (290.284.523)	141.852.855 nt
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0

Lập ngày 02 tháng 03 năm 2009

Người lập biểu Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên) (Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

III. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY NẠO VÉT VÀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY I

1. Các bước phân tích tình hình tài chính tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Để đánh giá tình hình tài chính của Công ty, kế toán căn cứ vào số liệu các chỉ tiêu đã được lập trên bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tiến hành các bước như sau:

- So sánh doanh thu, chi phí, lợi nhuận thực hiện được với kế hoạch hoặc với năm trước. Qua đó đánh giá tổng quát tình hình thực hiện tài chính có đạt mức kết quả tốt hay không?

- So sánh các tỷ suất sinh lợi giữa thực hiện với kế hoạch hoặc với năm trước

- Phân tích các nguyên nhân đã và đang ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đến tình hình tài chính của năm trước hoặc kế hoạch đã đề ra.

- Cung cấp tài liệu phân tích kết quả sản xuất kinh doanh, các dự báo tình hình kinh doanh sắp tới của Công ty cho ban lãnh đạo và bộ phận quản lý.

2. Thực trạng tổ chức phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

2.1. Phân tích tình hình tài chính tại Công ty thông qua số liệu cụ thể của các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2009 so với năm 2008

Qua bảng phân tích trên chúng ta thấy:

Doanh thu thuần năm 2009 tăng so với năm 2008 là:(đồng) tương ứng với tỉ lệCho thấy Công ty đã nhận được nhiều đơn đặt hàng nạo vét, san lấp và sửa chữa tàu.Công ty đã tạo được uy tín lớn với khách hàng.Tuy nhiên giá vốn hàng bán lại tăng là(đồng) so với năm 2008, tăng lên với tỉ lệ tương ứng là.....Điều này là do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do nền

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

kinh tế thị trường đang xuất hiện lạm phát, làm giá cả thị trường có mức tăng đột biến, cụ thể làm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công cũng như các chi phí khác tăng lên đáng kể. Giá vốn tăng làm lợi nhuận gộp giảm năm 2009 so với năm 2008 giảm đi một khoản là..... (đồng), tương ứng với tỷ lệ là

Doanh thu hoạt động tài chính năm 2009 có xu hướng tăng mạnh so với năm 2008 với số tiền là ...(đồng), tương ứng với tỉ lệ tăng là(đồng) cùng với sự giảm đi củ chi phí tài chính (cụ thể là chi phí lãi vay) làđồng , tương ứng với tỉ lệtạo nên xu hướng lợi nhuận tài chính tăng.

Bên cạnh đó chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2009 giảm so với năm 2008 với số tiền là.....đồng, tương ứng với tỉ lệCông ty đã sắp xếp tổ chức công tác quản lý ổn định, đồng thời cắt giảm được những chi phí không cần thiết.

Trong năm 2009, những khoản thu nhập khác cũng tăng nhưng tốc độ tăng không cao bằng tốc độ tăng của các khoản chi phí khác. Cụ thể là thu nhập khác tăng đồng, tương ứng với tỉ lệ tăng là.....và chi phí khác tăngđồng, tương ứng với tỉ lệ tăng. Tuy đó là một con số không lớn nhưng Công ty vẫn phải tìm ra nguyên nhân và đề ra hướng khắc phục.

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2009 tăng cao so với năm 2008 với số tiền là.....đồng, với tỉ lệ tương ứng là..... Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 tăng cao so với năm 2008 với số tiền là, tương ứng với tỉ lệ tăng

Nếu nhìn trên phương diện tổng quan qua 2 năm kế toán gần đây thì ta thấy tuy lợi nhuận năm sau có rãng hơn so với năm trước nhưng chưa xứng đáng với tiềm năng và thế mạnh của Công ty. Công ty cần có biện pháp cải thiện, phát huy thế mạnh của mình để có lợi nhuận cao hơn.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

2.2. Phân tích tình hình tài chính tại Nhà máy đóng tàu Tam Bạc qua các chỉ số và tỷ suất

2.2.1. Chỉ số hoạt động

(1) Vòng quay hàng tồn kho

+ Công thức:

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$$

+ Cụ thể:

$$\begin{aligned} \text{Vòng quay hàng tồn kho} &= \frac{35.118.158.420}{\frac{19.807.334.667 + 11.359.959.757}{2}} \\ \text{năm 2006} & \end{aligned}$$

$$= 2,25 \text{ (vòng)}$$

$$\begin{aligned} \text{Vòng quay hàng tồn kho} &= \frac{43.304.490.432}{\frac{27.212.660.529 + 19.807.334.667}{2}} \\ \text{năm 2007} & \end{aligned}$$

$$= 1,84 \text{ (vòng)}$$

→ Cho biết: năm 2006 vòng quay hàng tồn kho Nhà máy đạt 2,25 vòng/năm. Còn năm 2007 giảm xuống, chỉ đạt 1,84vòng/năm. Điều này chứng tỏ Nhà máy chưa đẩy nhanh được tốc độ luân chuyển hàng tồn kho. Nhà máy cần quan tâm hơn đến việc quản lý chi phí sản xuất và công tác bàn giao tàu hoàn thành.

(2) Vòng quay các khoản phải thu:

+ Công thức:

$$\begin{aligned} \text{Vòng quay các khoản} &= \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Các khoản phải thu bình quân}} \\ \text{phải thu} & \end{aligned}$$

+ Cụ thể:

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

$$\begin{aligned} & 42.634.089.377 \\ \text{Vòng quay các khoản} & = \frac{35.435.467.339 + 43.608.987.541}{2} \\ \text{phải thu năm 2006} & = 1,08 \text{ (vòng)} \\ & 50.455.689.254 \\ \text{Vòng quay các khoản} & = \frac{30.962.225.664 + 35.435.467.339}{2} \\ \text{phải thu năm 2007} & = 1,52 \text{ (vòng)} \end{aligned}$$

→ Cho biết: tốc độ chuyển đổi các khoản phải thu thành tiền (hay là số lần thu nợ trong kỳ) của nhà máy năm 2006 là 1,08 vòng, và năm 2007 là 1,52 vòng. Vòng quay các khoản phải thu càng lớn thì càng tốt. Chỉ số này năm 2007 đã tăng so với năm 2006. Nhà máy không phải đầu tư nhiều vào các khoản phải thu.

(3) Vòng quay toàn bộ vốn

$$\text{Vòng quay toàn bộ vốn} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng số vốn bình quân}}$$

+ Cụ thể:

$$\begin{aligned} \text{Vòng quay tổng vốn} & 42.634.089.377 \\ \text{năm 2006} & = \frac{106.645.420.709 + 75.828.688.344}{2} \\ & = 0,47 \text{ (vòng)} \\ & 50.455.689.254 \\ \text{Vòng quay tổng vốn} & = \frac{117.361.795.490 + 106.645.420.709}{2} \\ \text{năm 2007} & = 0,45 \text{ (vòng)} \end{aligned}$$

→ Cho biết: Cứ 100 đồng tổng vốn bỏ ra trong năm 2006 thì thu được 47 đồng doanh thu thuần, năm 2007 thu được 45 đồng doanh thu thuần. Qua đó, ta thấy hiệu quả sử dụng vốn của nhà máy năm 2007 giảm so với năm 2006. Mặc dù

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

doanh thu năm 2007 tăng nhưng hiệu quả sử dụng vốn lại giảm đi, nguyên nhân có thể là do năm 2007 có nhiều biến động về giá cả làm cho chi phí sản xuất tăng, dẫn đến giá vốn tăng. Tuy doanh thu tăng nhưng với tốc độ chậm hơn tốc độ tăng của giá vốn, vì vậy ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn của nhà máy.

2.1.2. Chi tiêu sinh lợi

(1) Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu:

+ Công thức:

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế (sau thuế) trên doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế (sau thuế)}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100$$

+ Cụ thể:

	Tỷ suất LNTT trên DT	Tỷ suất LNST trên DT
Năm 2006	$\frac{197.017.854}{42.634.089.377} \times 100 = 0,46\%$	$\frac{141.852.855}{42.634.089.377} \times 100 = 0,33\%$
Năm 2007	$\frac{488.171.595}{50.455.689.254} \times 100 = 0,97\%$	$\frac{351.483.548}{50.455.689.254} \times 100 = 0,69\%$

→ Cho biết: Tỷ suất LNTT/DT và tỷ suất LNST/DT năm 2007 đều tăng hơn so với năm 2006, cụ thể:

- Năm 2006: Trong 100 đồng doanh thu thuần thu được có: 0,46 đồng LNTT và 0,33 đồng LNST

- Năm 2007: Trong 100 đồng doanh thu thuần thu được có: 0,97 đồng LNTT và 0,69 đồng LNST .

(2) Tỷ suất lợi nhuận trên tổng số vốn sử dụng (vốn kinh doanh)

+ Công thức:

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế (sau thuế) trên vốn sử dụng} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế (sau thuế)}}{\text{Tổng số vốn sử dụng bình quân}} \times 100$$

Cụ thể:

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

$$\begin{aligned} \text{Tổng số vốn sử dụng bình} &= \frac{106.645.420.709 + 75.828.688.344}{2} \\ \text{quân năm 2006} &= 91.237.054.527 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Tổng số vốn sử dụng bình} &= \frac{117.361.795.490 + 106.645.420.709}{2} \\ \text{quân năm 2007} &= 112.003.608.100 \end{aligned}$$

	Tỷ suất LNTT trên vốn sử dụng	Tỷ suất LNST trên trên vốn sử dụng
Năm 2006	$\frac{197.017.854}{91.237.054.527} \times 100 = 0,22\%$	$\frac{141.852.855}{91.237.054.527} \times 100 = 0,16\%$
Năm 2007	$\frac{488.171.595}{112.003.608.100} \times 100 = 0,44\%$	$\frac{4351.483.548}{112.003.608.100} \times 100 = 0,31\%$

→ Cho biết: Tỷ suất LNTT/Vốn sử dụng và Tỷ suất LNST/Vốn sử dụng năm 2007 đều tăng hơn so với năm 2006, cụ thể:

- Năm 2006: Cứ 100 đồng Vốn sử dụng bỏ ra thì thu được 0,22 đồng LNTT và 0,16 đồng LNST.

- Năm 2007: Cứ 100 đồng Vốn sử dụng bỏ ra thì thu được 0,44 đồng LNTT và 0,31 đồng LNST.

(3) Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu:

+ Công thức:

$$\begin{aligned} \text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế} &= \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế (sau thuế)}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}} \times 100 \\ \text{(sau thuế) trên vốn chủ sở hữu} & \end{aligned}$$

+ Cụ thể:

$$\begin{aligned} \text{Vốn chủ sở hữu bình quân} &= \frac{16.401.760.453 + 16.055.322.356}{2} \\ \text{năm 2006} &= 16.228.541.405 \end{aligned}$$

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

$$\begin{aligned} \text{Tổng số vốn sử dụng bình} &= \frac{15.145.995.013 + 16.401.760.453}{2} \\ \text{quân năm 2007} &= \underline{\underline{15.773.177.733}} \end{aligned}$$

	Tỷ suất LNTT trên vốn sử dụng	Tỷ suất LNST trên trên vốn sử dụng
Năm 2006	$\frac{197.017.854}{16.228.541.405} \times 100 = 1,21\%$	$\frac{141.852.855}{16.228.541.405} \times 100 = 0,87\%$
Năm 2007	$\frac{488.171.595}{15.773.177.733} \times 100 = 3,09\%$	$\frac{351.483.548}{15.773.177.733} \times 100 = 2,23\%$

→ Cho biết: Tỷ suất LNTT/Vốn chủ sở hữu và Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu năm 2007 đều tăng hơn so với năm 2006, cụ thể:

- Năm 2006: Cứ sử dụng 100 đồng Vốn chủ sở hữu thu được 1,21 đồng LNTT và 0,87 đồng LNST.

- Năm 2007: Cứ sử dụng 100 đồng Vốn chủ sở hữu thu được 3,09 đồng LNTT và 2,23 đồng LNST.

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI NHÀ MÁY ĐÓNG TÀU TAM BẠC

1. NHẬN XÉT TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI NHÀ MÁY ĐÓNG TÀU TAM BẠC

1. Nhận xét về công tác kế toán tại Nhà máy đóng tàu Tam Bạc

1.1. Ưu điểm

- Công tác hạch toán kế toán luôn cố gắng đảm bảo tốt nhất tính trung thực, hợp lý, trình bày rõ ràng, dễ hiểu. Đồng thời đảm bảo thực hiện đúng các quy tắc chuẩn mực kế toán hiện hành, theo đúng chế độ quy định của Nhà nước. Hệ thống tài khoản áp dụng tại Nhà máy được thực hiện theo hệ thống tài khoản thống nhất của Bộ tài chính.

- Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, gọn nhẹ nhưng vẫn đáp ứng được khối lượng công việc tương đối lớn.

- Đội ngũ cán bộ kế toán của Nhà máy đa số là những người trẻ, nhiệt tình, năng động nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán, làm việc dưới sự chỉ đạo của Kế toán trưởng và phó phòng kế toán tài chính là những người có kinh nghiệm lâu năm trong công tác kế toán. Nhà máy thường xuyên tổ chức các lớp học bồi trợ nâng cao trình độ nghiệp vụ của các nhân viên kế toán. Các cán bộ kế toán đã sử dụng hiệu quả hệ thống máy vi tính để hỗ trợ cho công việc kế toán đạt hiệu quả.

- Mặc dù là DNNN nhưng không vì thế mà Nhà máy thụ động, ỷ vào ngân sách Nhà nước cấp mà Nhà máy luôn tự mình vươn lên củng cố và hoàn thiện công tác kế toán, đồng thời không ngừng phát huy năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, tạo dựng vị thế, nâng cao uy tín của Nhà máy trên thị trường Công nghiệp đóng tàu .

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

- Nhà máy áp dụng hình thức Nhật ký - chứng từ để ghi sổ sách kế toán Hình thức này là hình thức phù hợp với quy mô, đặc điểm và loại hình sản xuất kinh doanh của Nhà máy.

1.2. Nhược điểm

- Hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ tuy là hình thức phù hợp với quy mô, đặc điểm và loại hình sản xuất kinh doanh tại Nhà máy nhưng thực sự chưa phù hợp với điều kiện cơ giới hoá công tác hạch toán vì kết cấu mẫu sổ phức tạp, hệ thống sổ sách còn cồng kềnh.

- Công việc kế toán vừa tiến hành bằng hệ thống máy tính, vừa viết tay nên đôi khi còn trùng lặp ở một số khâu. Việc ghi sổ sách bị dồn vào cuối tháng nên không tránh khỏi sai sót. Một số sổ theo dõi chi tiết các tài khoản như: 133, 214, 338, . . . vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu khi cần đối chiếu với các sổ tổng hợp. Một số TK chưa được hạch toán theo dõi chi tiết theo từng đối tượng.

2. Nhận xét về tổ chức lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Nhà máy đóng tàu Tam Bạc

2.1. Ưu điểm:

Từ năm 2006 công tác kế toán nói chung và tổ chức lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng tại Nhà máy đóng tàu Tam Bạc đã được thực hiện theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 thay cho quyết định số 167/2000/QĐ-BTC ngày 25/10/2000 của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành. Kết cấu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Nhà máy được lập đúng với mẫu biểu B02-DN. Đồng thời Nhà máy cũng đảm bảo thời gian lập quy định đối với loại hình doanh nghiệp là Doanh nghiệp nhà nước.

- Công việc chuẩn bị trước khi lập được tiến hành đầy đủ. Việc lập và trình bày các chỉ tiêu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Nhà máy đóng tàu Tam Bạc được tuân thủ đúng các yêu cầu và 6 nguyên tắc quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21 - "Trình bày Báo cáo tài chính" . Trình tự lập Báo cáo kết quả hoạt

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

động kinh doanh tuân thủ theo đúng các quy định từ cách trình bày, cách vào sổ liệu từng chỉ tiêu trên Báo cáo, . . . các bước lập được tiến hành chặt chẽ.

- Trong quá trình lập, kế toán viên luôn quan tâm, đối chiếu, kiểm tra sổ liệu kế toán trên các chứng từ gốc, và sổ sách có liên quan.

- Sau khi lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán trưởng đồng thời tiến hành công việc kiểm tra các khoản mục trong Báo cáo, đối chiếu sổ liệu giữa các sổ sách với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, kiểm tra các bước trong quá trình lập xem đã đầy đủ, chính xác chưa. Cuối cùng, trình cho Giám đốc xem xét, kiểm tra lần cuối và đóng dấu, ký duyệt.

2.2. Nhược điểm

- Trong quá trình lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, vì kế toán không quan tâm nhiều đến các Sổ chi tiết, các Nhật ký, Bảng kê, . . . nên chưa đáp ứng được yêu cầu khi cần đối chiếu với các sổ tổng hợp. . . có thể làm ảnh hưởng đến việc tập hợp sổ liệu để lập Báo cáo tài chính nói chung và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng.

Là DNNN nhưng Nhà máy chưa lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ dạng đầy đủ (Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo quý) theo quy định chuẩn mực kế toán hiện hành.

3. Nhận xét về tổ chức phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Nhà máy đóng tàu Tam Bạc

3.1. Ưu điểm:

Khi tiến hành phân tích, Nhà máy cũng đã nêu ra được mức độ chênh lệch tuyệt đối và tương đối của các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, Nhà máy đã tiến hành phân tích dựa trên các tỷ suất và chỉ tiêu tài chính, đồng thời so sánh các chỉ tiêu qua 'các năm tài chính để thấy được mức biến động cụ thể và rút ra được kết luận tổng quan về tình hình tài chính của Nhà máy trong năm báo cáo.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

3.2. Nhược điểm:

- Không chỉ riêng Nhà máy đóng tàu Tam Bạc mà hầu hết các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại Việt Nam nói chung thì vấn đề phân tích Báo cáo tài chính chưa được quan tâm đúng mức. Chính vì thế mà vai trò của đội ngũ nhân viên tài chính bị coi nhẹ và chưa thực sự được củng cố, nâng cao trình độ. Trong đó có Nhà máy đóng tàu Tam Bạc.

- Bên cạnh đó, tại Nhà máy đóng tàu Tam Bạc, việc phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chưa thường xuyên, liên tục. Điều này làm giảm hiệu quả trong việc quản lý tài chính cũng như quá trình điều hành sản xuất kinh doanh tại Nhà máy. Khi đi sâu vào tiến hành phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Nhà máy đánh giá không đầy đủ các tỷ suất tài chính mà chỉ chú trọng vào một số chỉ tiêu nhất định nên chưa thấy được cụ thể tình hình tài chính của Nhà máy. Sau khi so sánh các chỉ số hoạt động và tỷ suất sinh lợi, mới chỉ nêu khái quát được thực trạng và nguyên nhân, mà chưa chỉ ra được ảnh hưởng và giải pháp cho thực trạng đó. Ngoài ra, khi đánh giá kết quả SXKD thông qua các chỉ tiêu kinh tế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng mức biến động tương đối và tuyệt đối thì chưa đánh giá được mức độ tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của Nhà máy, đồng thời chưa đưa ra nguyên nhân và giải pháp nâng cao hiệu quả SXKD và lợi nhuận.

II. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI NHÀ MÁY ĐÓNG TÀU TAM BẠC

Trong thời gian thực tập, tìm hiểu về công tác kế toán qua các phần hành nói chung cũng như tổ chức công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng tại Nhà máy đóng tàu Tam Bạc, em nhận thấy còn một số vấn đề chưa hoàn toàn tối ưu. Dưới góc độ là một sinh viên thực tập, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm cải thiện những vấn đề đó như sau:

1. Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại Nhà máy đóng tàu Tam Bạc.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

- Kế toán Nhà máy nên tiên hành ghi hàng ngày để đảm bảo tính đầy đủ của các nghiệp vụ phát sinh, đồng thời nên áp dụng phần mềm kế toán máy để giúp công việc kế toán giảm bớt phức tạp và đạt kết quả cao nhất.

- Nhà máy nên tổ chức lại hệ thống sổ sách để tránh trùng lặp, giảm bớt sự chồng chéo, phức tạp mà vẫn theo dõi được đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh, nên lập các sổ chi tiết để phản ánh các đối tượng cần theo dõi chi tiết như:

+ TK 211, TK 214 nên mở chi tiết cho từng loại tài sản,

+ TK 112 nên mở chi tiết theo dõi từng ngân hàng,

+ TK 311, 315, 338 nên mở chi tiết từng đối tượng,

Một số mẫu biểu bổ sung trong hệ thống sổ sách kế toán tại Nhà máy

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo
vét và xây dựng đường thủy I**

Đơn vị:

Mẫu số S08-DN

Đơn vị:

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỐ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch:

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi:

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền			Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Thu (gửi vào)	Chi (rút ra)	Còn lại	
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
			- Cộng số phát sinh trong kỳ	x			x	x
			- Số dư cuối kỳ	x	x	x	x	x

- Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên)

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo
vét và xây dựng đường thủy I***

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo
vét và xây dựng đường thủy I**

Đơn vị:

Mẫu số S08-DN

Đơn vị:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỐ CHI TIẾT TIỀN VAY

(Dùng cho các tài khoản 311, 315, 341)

Nơi mở tài khoản giao dịch:

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi:

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ngày đến hạn thanh toán	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2
			- Số dư đầu kỳ				
			- Số phát sinh trong kỳ				
			- Cộng số phát sinh	x	x		
			- Số dư cuối kỳ	x	x		

- Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo
vét và xây dựng đường thủy I**

Đơn vị:

Mẫu số S08-DN

Đơn vị:

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỐ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

(Dùng cho các tài khoản 136, 138, 333, 335, 338...)

Tài khoản:

Đối tượng:

Loại tiền: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
			- Cộng số phát sinh	x			x	x
			- Số dư cuối kỳ	x	x	x		

- Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2. Hoàn thiện tổ chức lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Nhà máy đóng tàu Tam Bạc

- Để công tác lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được hoàn chỉnh và đảm bảo tính chính xác, kế toán cần lưu ý số liệu trên các Sổ, thẻ kế toán chi tiết để đối chiếu kiểm tra khi cần thiết, vì số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng trong việc đánh giá tình hình tài chính của Nhà máy.

- Nhà máy cần tổ chức lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21. Vì báo cáo giữa niên độ giúp cho các nhà quản lý nắm rõ được từng bước phát triển trong hoạt động SXKD của Nhà máy, đồng thời còn cho thấy được mức độ hợp lý trong quan hệ doanh thu - chi phí ở từng giai đoạn hoạt động, từ đó giúp cho Nhà máy có những quyết định, định hướng phù hợp giúp nâng cao hiệu quả SXKD của Nhà máy.

Sau đây là nội dung phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ:

(1) Cơ sở lập:

Căn cứ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trước.

- Căn cứ vào sổ kế toán trong quý dùng cho các TK từ loại 5 đến loại 9.

(2) Nội dung và phương pháp lập chỉ tiêu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (dạng đầy đủ) (Mẫu số B02a-DN)

- Số liệu ghi vào cột 6 "Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này/năm nay" của báo cáo quý này được lập căn cứ vào số liệu ghi ở cột 4 "Quý này" của báo cáo quý này cộng với số liệu cột 6 quý kế từ đầu năm đến cuối quý này/năm nay" của báo cáo này quý trước. Kết quả tìm được ghi vào cột 6 của báo cáo này quý này theo từng chỉ tiêu phù hợp. Riêng đối với quý I số liệu ghi vào cột 6 bằng số liệu ghi vào cột 4.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

- Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu ghi vào cột 4 "Quý này/năm nay" của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ dạng đầy đủ được thực hiện theo hướng dẫn như đối với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm - Mẫu số B02-DN.

- Số liệu ghi vào cột 7 "Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này/năm trước" của báo cáo này được lập căn cứ vào số liệu ghi ở cột 6 "Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này/Năm nay" của báo cáo quý này năm trước theo từng chỉ tiêu phù hợp. Khi lập lần đầu báo cáo này, số liệu trên báo cáo năm trước không có thì để trống cột số liệu này.

- Số liệu ghi vào cột 5 "Quý này/năm trước" của báo cáo quý này được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 4 "Quý này/năm nay" của báo cáo quý này năm trước theo từng chỉ tiêu phù hợp.

(3). Mẫu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo
vét và xây dựng đường thủy I**

Đơn vị:

Mẫu số S08-DN

Đơn vị:

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý Năm

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ(*)						

Ghi chú: (*) Nội dung các chỉ tiêu trên báo cáo này tương tự như các chỉ tiêu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm - Mẫu số B02 - DN

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngàytháng năm

Giám đốc
(Ký, họ tên)

3. Hoàn thiện tổ chức phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

3.1. Hoàn thiện đội ngũ nhân viên tài chính

Nhân viên tài chính là những người thu thập và phân tích những thông tin tài chính, phân tích xu hướng và đưa ra dự báo kinh tế trong tương lai. Công việc phân tích tình hình tài chính của các nhân viên tài chính là vô cùng quan trọng vì các đề xuất của họ có tác dụng hỗ trợ Nhà máy trong việc đưa ra các quyết định tài chính kịp thời, đúng đắn. Và điều đó đòi hỏi nhân viên tài chính phải có một lượng kiến thức lớn, đồng thời phải đọc nhiều để nắm được các thông tin liên quan, các vấn đề pháp luật, các biến động trên thị trường, các tình hình hoạt động kinh tế được đăng tải trên các tạp chí, sách báo, truyền hình, . . . Với tình hình hiện nay của Nhà máy, Ban lãnh đạo trị cần chú trọng những vấn đề như:

- Chọn lọc những nhân viên tài chính có trình độ cơ bản về tài chính và có thâm niên trong công tác tài chính. Không ngừng đào tạo các bộ phận chuyên trách thông qua các khoá tập huấn của Bộ tài chính, các trung tâm giáo dục của các trường Đại học chuyên ngành. Nếu có thể thì cố gắng tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá học tại các nước tiên tiến trên thế giới về kiến thức quản lý và tài chính doanh nghiệp.

- Kịp thời tiếp nhận những thay đổi chính sách kế toán và các chuẩn mực kế toán mới của Nhà nước ban hành. Đồng thời phải luôn nắm vững những kiến thức về pháp luật và các chính sách tài chính thông qua các thông tin từ các nguồn liên quan.

- Tin học hoá đội ngũ nhân viên tài chính. Nâng cao phẩm chất, đạo đức của các cán bộ quản lý và các nhân viên tài chính.

- Khuyến khích tìm hiểu thông tin kinh tế trong nước và nước ngoài từ mọi nguồn đăng tải. Cử nhân các cán bộ tài chính của Nhà máy tham gia các hội thảo chuyên ngành để rút kinh nghiệm và bổ sung kiến thức.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Tuy nhiên để thực hiện những yêu cầu này cần có sự nỗ lực từ phía Nhà máy. Nhà máy cần thực hiện nghiêm túc công tác kế toán và kiểm toán theo những chế độ, chuẩn mực kế toán, kiểm toán Việt Nam và hệ thống pháp luật kinh tế hiện hành. Để có được những thông tin có giá trị, thì Nhà máy nên có những biện pháp kiểm tra bằng chính hệ thống kiểm soát và kiểm toán nội bộ.

3.2. Hoàn thiện tổ chức phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Bên cạnh việc củng cố và nâng cao trình độ đội ngũ nhân viên tài chính thì Nhà máy cũng cần phải thực hiện công tác phân tích tài chính một cách sâu sắc, thường xuyên và liên tục hơn. Quá trình phân tích tài chính này nên giao cho những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực tài chính doanh nghiệp thực hiện để có kết quả chính xác nhất về tình hình tài chính của Nhà máy. Từ đó tìm hiểu nguyên nhân của thực trạng tài chính và đưa ra các biện pháp, kiến nghị phù hợp để khắc phục thực trạng khó khăn mà Nhà máy đang gặp phải, đồng thời phát huy những thành tựu mà Nhà máy đạt được. Để việc phân tích được chính xác và kịp thời Nhà máy nên tiến hành theo các bước sau:

- Bước 1 : Lập kế hoạch phân tích
- Bước 2: Tổ chức công tác phân tích
- Bước 3 : Lập Báo cáo phân tích

Trong quá trình tổ chức công tác phân tích, Nhà máy còn cần bổ sung phân tích những vấn đề sau:

3.2.1. Phân tích các chỉ tiêu tài chính của Nhà máy

Các số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chưa phản ánh được một cách đầy đủ thực trạng tài chính của Nhà máy, do vậy việc phân tích tài chính của Nhà máy thông qua các chỉ tiêu tài chính thực hiện và năm trước là rất quan trọng đối với việc đưa ra quyết định của Ban lãnh đạo Nhà máy. Thông qua các chỉ tiêu này, Ban lãnh đạo tìm ra các yếu điểm cũng như tiềm năng, để vạch ra một kế hoạch tài chính thích hợp cho việc gia tăng lợi nhuận và phát triển Nhà máy.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Tuy nhiên trong quá trình phân tích các chỉ tiêu tài chính đặc trưng, có một số chỉ tiêu cơ bản Nhà máy chưa đề cập tới làm cho việc đánh giá tình hình tài chính của Nhà máy không được toàn diện.

Tình hình tài chính được đánh giá là mạnh hay yếu trước hết phải thể hiện ở khả năng chi trả, vì vậy cần bắt đầu từ việc phân tích khả năng thanh toán.

❖ Các hệ số về khả năng thanh toán.

Đây là những chỉ tiêu được rất nhiều người quan tâm như: người đầu tư, người cho vay, người cung cấp nguyên vật liệu, . . . Họ luôn đặt ra câu hỏi hiện Nhà máy có đủ khả năng trả các khoản nợ tới hạn không? Vì thế Nhà máy cần phải phân tích những hệ số này để đánh giá được tình hình của bản thân để tìm ra những hướng giải quyết thích hợp trong tương lai.

(1) Hệ số khả năng thanh toán tổng quát

Hệ số này sẽ cho biết mối quan hệ giữa tổng tài sản mà hiện Nhà máy đang quản lý sử dụng với tổng số nợ phải trả (nợ dài hạn, nợ ngắn hạn, . . .)

+ *Công thức:*

$$\text{Hệ số thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Tổng nợ phải trả}}$$

+ *Cụ thể:*

$$\begin{aligned} \text{Hệ số thanh toán tổng quát} &= \frac{106.645.420.709}{90.243.660.256} \\ \text{năm 2006} & \end{aligned}$$

$$= 1,18$$

$$\begin{aligned} \text{Hệ số thanh toán tổng quát} &= \frac{117.361.795.490}{102.215.800.477} \\ \text{năm 2007} & \end{aligned}$$

$$= 1,15$$

→ Cả 2 năm hệ số khả năng thanh toán tổng quát đều lớn hơn 1 , chứng tỏ tất cả các khoản huy động bên ngoài của Nhà máy đều có tài sản đảm bảo (năm 2006 Nhà máy cứ đi vay 1 đồng thì có 1,18 đồng tài sản đảm bảo, còn ở năm 2007,

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

cứ đi vay 1 đồng thì chỉ có 1, 15 đồng tài sản đảm bảo). Hệ số này năm 2007 đã giảm so với năm 2006 là do Nhà máy đã huy động thêm bên ngoài 10.716.374.781 đồng thay cho vốn chủ sở hữu trong khi tài sản tăng 11.972.140.221 đồng.

(2) Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn

Hệ số này cho biết mức độ đảm bảo của tài sản ngắn hạn với nợ ngắn hạn.

Trong đó, nợ ngắn hạn chính là các khoản nợ phải thanh toán trong kỳ, Nhà máy phải dùng tài sản thực có của mình để thanh toán bằng cách chuyển đổi một bộ phận tài sản thành tiền. Khi phân tích hệ số này, Nhà máy sẽ thấy được tình hình tài chính của mình có đảm bảo để thực hiện tiếp các nghiệp vụ đi vay hay không?

+ Công thức:

$$\text{Hệ số thanh toán tạm thời} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

+ Cụ thể:

$$\begin{aligned} \text{Hệ số thanh toán tạm thời} &= \frac{58.431.811.531}{53.945.016.418} \\ \text{năm 2006} &= 1,08 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Hệ số thanh toán tạm thời} &= \frac{67.135.475.524}{66.050.134.558} \\ \text{năm 2007} &= 1,02 \end{aligned}$$

→ Năm 2007 thì hệ số thanh toán tạm thời có xu hướng giảm đi so với năm 2006. Tuy nhiên, chỉ tiêu này ở cả 2 năm 2006 và 2007 đều lớn hơn 1 (mức độ an toàn) cho thấy Nhà máy có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Trên thực tế, không phải là hệ số này càng lớn thì càng tốt, vì khi đó TSLĐ của Nhà máy tồn trữ lớn sẽ đồng nghĩa với việc sử dụng tài sản không hiệu quả.

(3) Hệ số khả năng thanh toán nhanh (tức thời)

Hệ số này là thước đo khả năng trả nợ ngay các khoản nợ ngắn hạn của Nhà máy trong kỳ không dựa vào việc phải bán các loại vật tư hàng hoá. Nói cách khác,

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

hệ số này giúp cho Nhà máy thấy được khả năng thanh toán các khoản nợ trong một khoảng thời gian ngắn.

+ Công thức:

$$\text{Hệ số thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tiền + các khoản tương đương tiền}}{\text{Tổng số nợ ngắn hạn}}$$

+ Cụ thể:

$$\begin{aligned} \text{Hệ số thanh toán nhanh} &= \frac{3.179.179.899}{53.945.016.418} \\ \text{năm 2006} &= 0,06 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Hệ số thanh toán nhanh} &= \frac{5.393.078.139}{66.050.134.558} \\ \text{năm 2007} &= 0,06 \end{aligned}$$

→ Khả năng thanh toán nhanh của Nhà máy năm 2007 tăng so với năm 2006 nhưng vẫn còn thấp bởi lượng tiền và các khoản tương đương tiền của Nhà máy trong 2 năm qua chỉ đáp ứng được khoảng 6%-8% nợ ngắn hạn. Với khả năng thanh toán như vậy sẽ làm giảm tính linh hoạt trong SXKD của Nhà máy. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do tâm lý của ban lãnh đạo thường không muốn dự trữ nhiều tiền vì như vậy sẽ hạn chế khả năng sinh lời đồng thời sẽ giảm giá trị khi lạm phát. Tuy nhiên, việc duy trì một lượng tiền hợp lý vừa giúp đảm bảo khả năng thanh toán nhanh của Nhà máy, vừa kịp thời chớp lấy cơ hội kinh doanh thuận lợi.

(4) Hệ số khả năng thanh toán lãi vay

Khi phân tích hệ số này, Nhà máy có thể đo lường được mức độ lợi nhuận có được do sử dụng vốn để đảm bảo trả lãi cho chủ nợ. Nói cách khác, Nhà máy sẽ biết được số vốn đi vay đã sử dụng tới mức nào và đem lại một khoản lợi nhuận là bao nhiêu, có bù đắp đủ lãi vay phải trả không.

+ Công thức:

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

$$\text{Hệ số thanh toán lãi vay} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế và lãi vay}}{\text{Lãi vay phải trả}}$$

+ Cụ thể:

$$\begin{aligned} \text{Hệ số thanh toán lãi vay năm 2006} &= \frac{197.017.854 + 3.265.072.184}{3.265.072.184} \\ &= 1,06 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Hệ số thanh toán lãi vay năm 2007} &= \frac{488.171.595 + 2.915.610.807}{2.915.610.807} \\ &= 1,16 \end{aligned}$$

→ Khả năng thanh toán lãi vay năm 2007 lớn hơn so với năm 2006 cho thấy việc sử dụng vốn vay của Nhà máy có hiệu quả hơn và khả năng an toàn trong sử dụng vốn vay ngày càng cao. Do năm 2007, Nhà máy đã điều chỉnh giảm lượng vốn vay (hay đã giảm được một khoản chi phí cố định) để đảm bảo an toàn trong quá trình hoạt động SXKD..

❖ Cơ cấu nguồn vốn

Việc nghiên cứu cơ cấu nguồn vốn sẽ giúp cho ban lãnh đạo nhìn nhận được tổng quát về sự phát triển lâu dài của Nhà máy vì khi tình hình đầu tư thay đổi, thì tỷ trọng các loại vốn cũng thay đổi theo hướng tối ưu. Hệ số nợ và hệ số vốn chủ sở hữu là hai tỷ số quan trọng nhất phản ánh cơ cấu nguồn vốn.

Qua nghiên cứu 2 chỉ tiêu này ban lãnh đạo sẽ thấy được mức độ độc lập hay phụ thuộc của Nhà máy đối với các chủ nợ hoặc mức độ tài trợ của Nhà máy đối với vốn kinh doanh của mình).

+ Công thức:

$$\text{Hệ số nợ} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng nguồn vốn}} = 1 - \text{hệ số vốn chủ sở hữu}$$

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

$$\text{Hệ số nợ} = \frac{\text{Nguồn vốn CSH}}{\text{Tổng nguồn vốn}} = 1 - \text{hệ số nợ}$$

+ Cụ thể:

	Năm 2006	Năm 2007
Hệ số nợ	$\frac{90.243.660.256}{106.645.420.709} \times 100 = 84,62\%$	$\frac{102.215.800.477}{117.361.795.490} \times 100 = 87,09\%$
Hệ số vốn CSH	$100\% - 84,62\% = 15,38\%$	$100\% - 87,09\% = 12,91\%$

→ về cơ bản thì cơ cấu nguồn vốn của Nhà máy ổn định qua 2 năm 2006 và 2007. Hệ số nợ rất cao cho thấy tỷ trọng vốn vay chiếm phần lớn trong tổng vốn. Cụ thể là: năm 2006 tỷ trọng vốn vay chiếm 84,62% và năm 2007 tăng lên chiếm 87,09%. Nhà máy đang ở trong tình trạng phụ thuộc và chịu sức ép bởi các khoản vay nợ. Tuy nhiên, theo phân tích về khả năng thanh toán của Nhà máy ở trên thì các khoản vốn vay huy động đã được bảo đảm bằng tài sản của chính Nhà máy.

❖ Chỉ số hoạt động:

Khi phân tích các chỉ số này ban lãnh đạo sẽ đo lường được hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của Nhà máy. Vì trong công tác phân tích, Nhà máy chưa phân tích hết các chỉ số nên chưa thấy được tổng thể hiệu quả các hoạt động SXKD của mình. Do vậy cần phải bổ sung những chỉ số sau đây (*Kết quả các chỉ số được tính toán cụ thể phần Phụ lục 2 và được hợp trên Biểu số 17*).

(1) Số ngày một vòng quay hàng tồn kho: Cho biết số ngày trung bình một vòng quay hàng tồn kho.

+ Công thức:

$$\text{Số ngày một vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Số ngày trong kỳ (360)}}{\text{Vòng quay hàng tồn kho}}$$

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

(2) Kỳ thu tiền trung bình: Phản ánh số ngày cần thiết để thu được các khoản phải thu (Số ngày một vòng quay các khoản phải thu)

+ Công thức:

$$\text{Kỳ thu tiền trung bình} = \frac{\text{Số ngày trong kỳ (360)}}{\text{Vòng quay các khoản phải thu}}$$

(3) Số ngày một vòng quay vốn lưu động: Phản ánh một vòng quay vốn lưu động hết bao nhiêu ngày.

+ Công thức:

$$\text{Số ngày một vòng quay vốn lưu động} = \frac{\text{Số ngày trong kỳ (360)}}{\text{Vòng quay vốn lưu động}}$$

❖ Tỷ suất sinh lợi

Đây là các chỉ số mà thường các nhà quản trị quan tâm. Khi phân tích các chỉ số này, Nhà máy sẽ đánh giá được kết quả hoạt động SXKD trong một thời kỳ nhất định và đó chính là căn cứ quan trọng giúp ban lãnh đạo đưa ra những quyết định tài chính hợp lý trong tương lai. Nhà máy mới phân tích một số chỉ tiêu sinh lợi nên việc đánh giá khả năng tài chính của Nhà máy chưa được toàn diện. Sau đây là một số tỷ suất mà Nhà máy chưa tiến hành phân tích (*Kết quả các chỉ số được tính toán cụ thể tại phần Phụ lục 2 và được tổng hợp trên Biểu số 17*):

(1) Tỷ suất lợi nhuận trên vốn lưu động

+ Công thức:

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế (sau thuế) trên vốn lưu động} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế (sau thuế)}}{\text{Vốn lưu động bình quân}} \times 100$$

(2) Tỷ suất sinh lợi của tài sản

+ Công thức:

$$\text{Tỷ suất sinh lợi của tài sản} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế} + \text{Lãi vay}}{\text{Giá trị tài sản bình quân}} \times 100$$

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

BIỂU SỐ 17: (Các kết quả được tính toán cụ thể tại phân Phụ lục 2).

**BẢNG SO SÁNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG VÀ CHỈ TIÊU SINH LỢI
TẠI NHÀ MÁY ĐÓNG TÀU TAM BẠC**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2006	Năm 2007	Chênh lệch	
				(+/-)	%
I. Chỉ tiêu hoạt động					
1. Vòng quay hàng tồn kho	vòng	2,25	1,84	-0,41	-18,22
2. Số ngày 1 vòng quay HTK	vòng	160	195,44	35,44	22,15
3. Vòng quay các khoản phải thu	vòng	1,08	1,52	0,44	40,74
4. Kỳ thu tiền trung bình	Ngày	333,33	236,87	-96,46	-28,94
5. Vòng quay vốn lưu động	vòng	0,72	0,8	0,08	11,11
6. Số ngày 1 vòng quay VLD	Ngày	487,6	447,96	-39,64	-8,13
7. Hiệu suất sử dụng vốn cố định	%	132	103	-29	-21,97
8. Vòng quay toàn bộ vốn	vòng	0,47	0,45	-0,02	-4,26
II. Chỉ tiêu sinh lợi					
1. Tỷ suất LNTT/DT	%	0,46	0,97	0,51	110,87
2. Tỷ suất LNTT/DT (ROS)	%	0,33	0,69	0,36	109,09
3. Tỷ suất LNTT/Tổng vốn	%	0,22	0,44	0,22	100,00
4. Tỷ suất LNTT/Tổng vốn (ROA)	%	0,16	0,31	0,15	93,75
5. Tỷ suất LNTT/Vốn CSH	%	1,21	3,09	1,88	155,37
6. Tỷ suất LNTT/Vốn CSH (ROE)	%	0,87	2,23	1,36	156,32
7. Tỷ suất LNTT/Vốn cố định	%	0,61	0,99	0,38	62,30
8. Tỷ suất LNST/Vốn cố định	%	0,44	0,71	0,27	61,36

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

9. Tỷ suất LNTT/Vốn l ưu đ ộng	%	0,33	0,78	0,45	136,36
10. Tỷ suất LNST/Vốn lưu đ ộng	%	0,24	0,56	0,32	133,33
11. Tỷ suất sinh lợi của tài sản	%	3,79	3,04	-0,75	-19,79

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Nhìn một cách tổng thể, tình hình tài chính của Nhà máy đóng tàu Tam Bạc trong năm 2007 tốt hơn so với năm 2006. Tuy nhiên vẫn còn một vài vấn đề chưa được khả quan cần cải thiện. Cụ thể như sau:

- Về chỉ số hoạt động:

- Vòng quay hàng tồn kho cho biết: năm 2007 vòng quay hàng tồn kho của Nhà máy so với năm 2006 giảm 0,4 1 vòng. Đồng thời số ngày trung bình của một vòng quay hàng tồn kho trong năm 2007 so với năm 2006 tăng 35,44 ngày/vòng. Điều này cho thấy Nhà máy phải đầu tư nhiều vào hàng tồn kho mới tạo được doanh thu như vậy. Tuy nhiên, là một Nhà máy công nghiệp nặng, chu kỳ SXKD dài nên số ngày một vòng quay hàng tồn kho lớn vẫn chấp nhận được.

- Vòng quay các khoản phải thu cho biết: Tốc độ chuyển đổi các khoản phải thu thành tiền (hay là số lần thu được nợ trong kỳ) của Nhà máy năm 2007 so với năm 2006 tăng 0,44 vòng làm cho số ngày cần thiết để thực hiện được các khoản phải thu (số ngày một vòng quay các khoản phải thu) giảm 96,46 ngày/vòng nhưng vẫn còn khá lớn, Nhà máy cần tiến hành phân tích nguyên nhân và đề ra phương hướng điều chỉnh. Tuy nhiên, như vậy cho thấy Nhà máy đã thực hiện có hiệu quả công tác thu nợ.

- Vòng quay vốn lưu động năm 2007 tăng hơn so với năm 2006 do lượng vốn lưu động bình quân trong năm 2007 đã giảm tồn đọng. Nhà máy vẫn phải tập trung nâng cao được hiệu quả sản xuất 'kinh doanh nói chung và hiệu quả sử dụng vốn nói riêng vì trong cả 2 năm, bình quân cứ hơn 1 năm vốn lưu động mới quay được một vòng, thời gian như vậy là quá dài đối với một doanh nghiệp, nhưng do Nhà máy là một nhà máy công nghiệp, thường sản xuất sản phẩm có giá trị lớn, thời gian sản xuất lâu dài, kế toán tiêu thụ theo đơn đặt hàng nên có thể chấp nhận được. Tuy nhiên, vòng quay tổng vốn lại giảm đi, điều này cho thấy quá trình chu chuyển vốn đã giảm dẫn đến khả năng thu hồi vốn chậm và ảnh hưởng tới quá trình tái đầu tư.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

➤ **Về tỷ suất sinh lợi:**

→ Năm 2007 Tỷ suất LNTT/DT tăng 0,51% và Tỷ suất LNST/DT tăng 0,36% so với năm 2006. Điều này có nghĩa là cứ 1 đồng doanh thu thuần thực hiện được trong năm 2007 tăng thêm được 0,51 đồng LNTT và 0,35 đồng LNST so với năm 2006.

- Năm 2007 Tỷ suất LNTT/VỐN sử dụng (tổng vốn) tăng 0,22% và Tỷ suất LNST/TỔNG vốn tăng 0,15% so với năm 2006. Điều này có nghĩa là cứ 1 đồng vốn bỏ ra kinh doanh trong năm 2007 tăng được 0,22 đồng LNTT và 0,15 đồng LNST so với năm 2006.

- Năm 2007 Tỷ suất LNTT/VỐN CSH tăng 1,88% và Tỷ suất LNST/VỐN CSH tăng 1,36% so với năm 2006. Điều này có nghĩa là cứ 1 đồng vốn CSH bỏ ra kinh doanh trong năm 2007 tăng được 1,88 đồng LNTT và 1,36 đồng LNST so với năm 2006.

- Năm 2007 Tỷ suất LNTT/VỐN cố định tăng 0,38% và Tỷ suất LNST/VỐN cố định tăng 0,27%. Đồng thời, Tỷ suất LNTT/VỐN lưu động tăng 0,78o/o và Tỷ suất LNST/VỐN lưu động tăng 0,56% so với năm 2006. Điều này cho thấy Nhà máy đã sử dụng có hiệu quả nguồn vốn lưu động và nguồn vốn cố định.

- Tỷ suất sinh lợi của tài sản trong năm 2007 so với năm 2006 giảm 0,75% có nghĩa là cứ 1 đồng tài sản sử dụng tạo ra LNTT và lãi vay giảm 0,75 đồng. (Trong 2 chỉ tiêu tỷ suất LNTT và LNST thì tỷ suất LNST được các nhà quản trị sử dụng nhiều hơn)

Tuy hệ số nợ của Nhà máy cao nhưng Nhà máy vẫn có lãi, hoạt động vẫn có hiệu quả. Phải chăng Nhà máy động thực hiện việc sử dụng đòn bẩy tài chính? Song, một vấn đề đặt ra cho Nhà máy là: Liệu đây có phải là giải pháp an toàn để gia tăng lợi nhuận không? Bởi việc ' sử dụng đòn bẩy tài chính như là con dao hai lưỡi, một mặt nó có thể gia tăng lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, mặt khác nó có thể kìm hãm sự phát triển của Nhà máy. Vì khi các chủ nợ đánh giá tình hình tài chính

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

của Nhà máy, họ sẽ có tâm lý lo ngại trong quyết định tiếp tục cho vay khi thấy hệ số nợ quá cao. Hơn nữa, trong quá trình hội nhập hiện nay, các thành phần kinh tế là cạnh tranh bình đẳng thì liệu Nhà máy có thể vay vốn một cách dễ dàng với chi phí thấp hay không? Vì thế, việc sử dụng đòn bẩy tài chính để khuếch đại lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu của Nhà máy trong thời gian tới khó đạt được hiệu quả .

3.2.2. Đánh giá sơ bộ kết cấu chi phí - kết quả qua các loại hoạt động

Tại hầu hết các doanh nghiệp thì doanh thu từ hoạt động kinh doanh luôn chiếm tỷ trọng lớn. Và điều này không ngoại trừ Nhà máy đóng tàu Tam Bạc.

BIỂU SỐ 19: BẢNG ĐÁNH GIÁ KẾT CẤU CHI PHÍ - KẾT QUẢ NĂM 2007

Đơn vị tính: đồng

Loại hoạt động	Doanh thu		Chi phí		Lợi nhuận	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
1. HDSXKD	50.455.689.254	99,02%	47.254.564.288	93,63%	3.210.124.966	657,58%
2. HĐTC	42.043.130	0,08%	2.915.610.807	5,78%	-	-
3. HĐ khác	455.701.770	0,89%	304.087.464	0,6%	151.614.306	31,06%
Tổng cộng	50.953.434.154	100%	50.465.262.559	100%	488.171.595	100%

Qua bảng đánh giá kết cấu chi phí - kết quả năm 2007 của Nhà máy ta thấy:

Trong năm 2007 doanh thu từ hoạt động kinh doanh của Nhà máy chiếm 99,02% . Trong khi đó, doanh thu từ hoạt động tài chính chỉ chiếm 0,08% và doanh thu từ các hoạt động khác chiếm 0,89%. Bên cạnh đó là các khoản chi phí, chi phí hoạt

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

động kinh doanh cũng chiếm một tỷ trọng lớn 93,63o/o, chi phí hoạt động tài chính chiếm 5,78%, còn lại là chi phí cho các hoạt động khác 0,6%. Mặc dù, chi phí cũng chiếm tỷ trọng lớn nhưng lợi nhuận đem lại từ hoạt động kinh doanh cũng chiếm đến 657,58% tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu được và đó cũng chính là hoạt động đem lại lợi nhuận chính cho Nhà máy. Hoạt động tài chính không những không đem lại lợi nhuận mà còn bị lỗ một khoản chiếm tới 588,64%, còn hoạt động khác tuy không mang lại mức lợi nhuận lớn (31,06%) nhưng cũng góp phần vào hiệu quả kinh tế chung của Nhà máy. Như vậy trong ba hoạt động trên thì hoạt động kinh doanh đem lại hiệu quả cao nhất.

Nhưng cần nhận thấy rằng, Nhà máy quá chú trọng vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính mà không có hướng đầu tư vào hoạt động tài chính cụ thể, điều này thể hiện qua số liệu phản ánh chi phí tài chính lớn hơn rất nhiều so với doanh thu tài chính. Doanh thu thu được từ hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản lãi từ tiền gửi ngân hàng. Điều này tồn tại ở Nhà máy là do các nguyên nhân sau:

+ Nhà máy còn thiếu các thông tin về danh mục các loại hoạt động đầu tư tài chính trên thị trường.

+ Nhận thức về hoạt động đầu tư tài chính của Nhà máy còn hạn chế. Do vậy Ban lãnh đạo Nhà máy chưa phát huy được tính năng động trong việc phát triển, mở rộng các hoạt động đầu tư tài chính.

Để góp phần thúc đẩy các hoạt động SXKD tại Nhà máy, đặc biệt là hoạt động đầu tư tài chính, em xin đưa ra một số giải pháp hy vọng sẽ góp phần cải thiện tình hình trên.

- Thường xuyên rà soát tình hình tài chính của Nhà máy để huy động những nguồn vốn nhàn rỗi hoặc đã được sử dụng nhưng kém hiệu quả vào các hoạt động đầu tư khác để tìm kiếm lợi nhuận cao hơn.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

- Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán về hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác ngay từ khâu chứng từ, sổ sách, bảng biểu kế toán, các tài liệu chi tiết liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác của Nhà máy.

Cuối niên độ kế toán hoặc khi kết thúc từng hoạt động đầu tư, cần tiến hành phân tích để đánh giá kết quả đạt được của các hoạt động này, qua đó nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tham gia vào hoạt động đầu tư đạt được kết quả cao nhất.

- Xây dựng, tuyển chọn đội ngũ cán bộ có năng lực chuyên môn, có trình độ, biết thu thập và vận dụng phương pháp xử lý thông tin phù hợp, nhạy bén, năng động, đồng thời biết lựa chọn danh mục đầu tư hợp lý để giảm thiểu rủi ro trong quá trình đầu tư

- Để mở rộng đầu tư, tất yếu là phải có vốn. Vì vậy trước tiên, Nhà máy phải tìm tòi, học hỏi để đề ra những phương hướng mới giúp đạt kết quả SXKD cao hơn, đề ra những phương án thi công tối ưu, tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt yêu cầu của bên giao thầu, đồng thời áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến trong quá trình thực hiện các phương án SXKD nhằm nâng cao chất lượng, tuổi thọ các sản phẩm, dịch vụ mà lại rút ngắn được thời gian. Đây chính là giải pháp tăng lợi nhuận cho Nhà máy, tăng tích lũy để tái sản xuất và mở rộng đầu tư.

3.2.3. Phân tích tốc độ phát triển SXKD của doanh nghiệp (phân tích bằng phương pháp so sánh về mặt thời gian)

Để thấy rõ được tình hình phát triển của Nhà máy, em xin lấy số liệu về các chỉ tiêu Doanh thu thuần, Giá vốn hàng bán, Lợi nhuận gộp từ năm 2004 đến năm 2007 (ĐVT: Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007
1. Doanh thu thuần	26.596.687.849	29.227.129.504	42.634.089.377	50.455.689.254
2. Giá vốn hàng bán	22.996.085.130	24.995.744.707	35.118.158.520	43.304.490.432
3. Lợi nhuận gộp	3.600.602.718	4.231.384.797	7.515.930.957	7.151.198.822

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

4. LN gộp/DT thuần	0,135	0,145	0,176	0,142
--------------------	-------	-------	-------	-------

Qua bảng trên có thể thấy được tốc độ tăng của các chỉ tiêu doanh thu thuần, lợi nhuận gộp trong 4 năm (từ năm 2004 đến năm 2007) tương đối đều. Tuy nhiên, năm 2004 - 2005, các chỉ tiêu này biến động không đáng kể, nhưng đến năm 2006 thì doanh thu thuần và giá vốn đều tăng mạnh nhưng tốc độ tăng doanh thu thuần lớn hơn tốc độ tăng giá vốn nên lợi nhuận gộp cũng tăng so với năm 2005. Năm 2007, tốc độ tăng của các chỉ tiêu này đều chậm lại so với giai đoạn 2005 - 2006.

BIỂU SỐ 21:

➤ **Phân tích tốc độ phát triển thông qua phương pháp so sánh định gốc**

BẢNG PHÂN TÍCH TỐC ĐỘ PHÁT TRIỂN KIỂU SO SÁNH ĐỊNH GỐC

Chỉ tiêu	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007
1. Doanh thu thuần	100%	109,89%	160,30%	189,71%
2. Giá vốn hàng bán	100%	108,70%	152,72%	188,31%
3. Lợi nhuận gộp	100%	117,52%	208,74%	198,61%

BIỂU SỐ 22:

BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN TỐC ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ MÁY QUA 4 NĂM THEO KIỂU SO SÁNH ĐỊNH GỐC

Qua biểu đồ ta thấy: Tốc độ phát triển của các chỉ tiêu năm 2005 tăng so với năm 2004 và tăng mạnh vào năm 2006 và 2007. Cụ thể, vào năm 2006 doanh thu tăng thêm 60,30%, giá vốn tăng 52,71% làm cho lợi nhuận gộp tăng thêm 108,74% so với năm 2004. Đến năm 2007, doanh thu tăng 89,71% nhưng giá vốn cũng tăng nhanh, tăng thêm 88,31% nên lợi nhuận gộp tăng 98,61/0 so với năm 2004 và thấp

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

hơn so với năm 2006. Từ đó ta có thể thấy rằng Nhà máy đang cố gắng nâng cao chất lượng sản phẩm và đẩy mạnh hiệu quả SXKD trong những năm qua.

➤ **Phân tích tốc độ phát triển thông qua phương pháp so sánh định gốc**

BẢNG PHÂN TÍCH TỐC ĐỘ PHÁT TRIỂN KIỂU SO SÁNH LIÊN HOÀN

Chỉ tiêu	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007
1. Doanh thu thuần	100%	109,89%	155,76%	174,11%
2. Giá vốn hàng bán	100%	108,70%	149,19%	172,50%
3. Lợi nhuận gộp	100%	117,52%	195,14%	190,29%

BIỂU SỐ 23

BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN TỐC ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ MÁY QUA 4 NĂM THEO KIỂU SO SÁNH LIÊN HOÀN

Qua biểu đồ ta thấy: Doanh thu và giá vốn năm 2005 tăng hơn so với năm 2004 nhưng mức tăng không lớn, đến năm 2006 mức tăng rất mạnh so với năm 2005, đặc biệt là lợi nhuận gộp vào năm này có mức tăng đột biến. Đến năm 2007 thì chỉ tiêu doanh thu và giá vốn so với năm 2006 vẫn tiếp tục tăng, nhưng lợi nhuận gộp lại giảm đi. Cụ thể là: năm 2006, doanh thu tăng thêm 45,87%, giá vốn tăng thêm 40,50% làm cho lợi nhuận gộp tăng thêm 77,62% so với năm 2005.

Sang năm 2007, doanh thu tiếp tục tăng thêm 18,35% giá vốn tăng 23,31% (tốc độ tăng của giá vốn lớn hơn tốc độ tăng của doanh thu) làm cho lợi nhuận gộp giảm 4,85% so với năm 2006. Đây đều có phải là điểm bất ổn của Nhà máy không? Để trả lời cho câu hỏi này, cần phải đi sâu tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra giải pháp giúp quá trình SXKD đạt hiệu quả cao hơn.

Sự tăng giảm bất thường này là do đặc điểm SXKD của Nhà máy là doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm có chu kỳ dài, chi phí lớn, việc tiêu thụ sản phẩm chịu ảnh hưởng khách quan của số lượng đơn đặt hàng và khối lượng các hạng mục công trình hoàn thành bàn giao. Do năm 2006 có nhiều tàu hoàn thành bàn giao,

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

quyết toán tiêu thụ nên doanh thu trong năm tăng mạnh, những tàu này được thi công trong thời gian dài nên chi phí thi công đã được hạch toán một phần ở những năm trước. Còn năm 2007 song song với việc hoàn thành, quyết toán và bàn giao các hạng mục còn dở dang, Nhà máy đã nhận thêm và bắt đầu thi công các đơn đặt hàng mới, do đó, tuy doanh thu tăng nhưng giá vốn cũng tăng mạnh làm lợi nhuận gộp giảm. Điều này là hợp lý với đặc điểm sản xuất của một Nhà máy công nghiệp chuyên đóng tàu như Nhà máy đóng tàu Tam Bạc.

Tuy nhiên, nhìn chung tốc độ phát triển của Nhà máy là khá ổn định trong vòng 4 năm qua (từ năm 2004 đến 2007). Nhưng Nhà máy không thể bằng lòng với những gì đã đạt được mà cần phải luôn duy trì và phấn đấu để phát triển hơn nữa trong tương lai. Thật vậy, trong nền kinh tế thị trường phát triển mạnh mẽ như hiện nay, nếu Nhà máy không có chiến lược riêng cho mình thì khả năng thất bại là khó tránh khỏi. DÒ vậy, tốc độ phát triển của Nhà máy tối thiểu cũng phải bằng tốc độ phát triển của nền kinh tế. Song, việc phát triển SXKD của Nhà máy trong mỗi giai đoạn là khác nhau nhưng việc xây dựng kế hoạch tài chính kết hợp hài hoà với kế hoạch kinh doanh nhằm đảm bảo cho Nhà máy ổn định, phát triển hiệu quả là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Ban lãnh đạo Nhà máy. Để thực hiện được nhiệm vụ đó ban lãnh đạo Nhà máy cần có hướng đề ra các giải pháp giảm lượng vốn vay xuống mức đảm bảo để loại bỏ khả năng Nhà máy rơi vào tình trạng nguy hiểm. Vì trong những chu kỳ ngắn hạn, việc quyết định đầu tư với tốc độ phát triển vượt mức an toàn của nguồn lực tài chính có thể thành công nhưng trong một giai đoạn dài, nếu vi phạm nguyên tắc này sẽ đe dọa đến sự phát triển của Nhà máy. Bên cạnh đó, Nhà máy thời cần tăng cường lực lượng công nhân thi công các đơn đặt hàng, trang bị máy móc thiết bị nhằm rút ngắn thời gian hoàn thành mà vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm bàn giao.

3.2.4. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2007

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

BIỂU SỐ 24

BẢNG PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm nay (2007)	Năm trước (2006)	Chênh lệch	
			Số tiền	%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	50.455.689.254	42.634.089.377	7.821.599.877	18,35
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	0	0
3. Doanh thu thuần	50.455.689.254	42.634.089.377	7.821.599.877	18,35
4. Giá vốn hàng bán	43.304.490.432	35.118.158.420	8.186.332.012	23,31
5. Chi phí bán hàng	0	0	0	0
6. Chi phí quản lý DN	3.941.073.856	4.265.096.779	-324.022.923	-7,60
7. LN từ HĐTC	(2.873.567.677)	(3.247.246.735)	373.679.058	11,51
8. Lợi nhuận khác	151.614.306	193.430.411	-41.816.105	-21,62
9. Chi phí thuế TNDN	136.688.047	55.164.999	81.523.048	147,78
10. LNST thu nhập DN	351.483.548	141.852.855	209.630.693	147,78

➤ **Các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế của Nhà máy**

Qua bảng trên, ta thấy mức biến động của lợi nhuận sau thuế (LNST) của Nhà máy năm 2007 tăng thêm 209.630.393 đồng so với năm 2006, tương ứng với tỷ lệ 147,78o/o. Cụ thể do ảnh hưởng của các nhân tố sau:

*. *Các nhân tố làm tăng lợi nhuận sau thuế của Nhà máy.*

- Doanh thu bán hàng tăng, làm LNST tăng: 7.821.599.877 đồng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm, làm LNST tăng: 324.022.923 đồng
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính tăng, làm LNST tăng: 373.679.058 đồng

* *Các nhân tố làm giảm lợi nhuận sau thuế của Nhà máy:*

- Giá vốn tăng, làm LNST giảm: 8.186.332.012 đồng
- Lợi nhuận khác giảm, làm LNST giảm: 41.816.105 đồng
- Chi phí thuế TNDN tăng, làm LNST giảm: 81.523.048 đồng

➤ **Đánh giá và tìm hiểu nguyên nhân tác động đến LNST của Nhà máy**

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

Qua bảng so sánh số liệu trên ta thấy ở năm 2007 mặc dù giá vốn tăng mạnh so với năm 2006 nhưng lợi nhuận sau thuế của Nhà máy vẫn tăng, điều này cho thấy trong năm 2007 hoạt động SXKD của Nhà máy đạt hiệu quả hơn năm 2006. Tuy nhiên sự tăng giá vốn là một trong những nhân tố tác động lớn đến lợi nhuận sau thuế của Nhà máy, và đó cũng là điểm mà Nhà máy cần quan tâm, đi sâu tìm hiểu nguyên nhân. Sau đây là một số nguyên nhân chủ yếu làm tăng giá vốn:

+ Trong năm 2007, Nhà máy phải tập trung hoàn thành nốt các hạng mục công trình, Nhà máy đã chi mua nguyên vật liệu với số lượng lớn để đóng tàu, đồng thời tăng thêm nhân công nhằm rút ngắn thời gian đảm bảo thời hạn bàn giao tàu.

+ Bên cạnh đó, giá vốn tăng mạnh là do nền kinh tế thị trường đang xuất hiện lạm phát, làm cho giá cả thị trường có mức tăng đột biến, cụ thể là làm cho chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công cũng như các chi phí liên quan khác tăng lên đáng kể.

Ngoài giá vốn còn có những nhân tố khác ảnh hưởng đến và làm giảm lợi nhuận sau thuế của Nhà máy. Đó là sự giảm của lợi nhuận khác và sự tăng của chi phí thuế TNDN:

- Lợi nhuận khác của Nhà máy giảm là do những nguyên nhân sau: Trong năm 2007, khoản mục thu nhập khác tăng nhưng mức tăng không lớn bằng mức tăng của chi phí khác, làm cho lợi nhuận khác giảm đi so với năm 2006. Điều này là do cuối năm 2006 có thanh lý một số TSCĐ nhưng chỉ ghi nhận doanh thu còn chi phí thì thanh lý lại được hạch toán vào năm 2007.

- Chi phí thuế TNDN tăng cũng là một yếu tố tác động làm giảm lợi nhuận sau thuế. Nhưng sự tăng chi phí thuế TNDN chứng tỏ lợi nhuận của Nhà máy tăng lên, Nhà máy đã nâng cao được hiệu quả SXKD.

Bên cạnh những nguyên nhân làm giảm lợi nhuận sau thuế, Nhà máy còn cần phải xem xét đến sự tác động của các nhân tố làm tăng lợi nhuận sau thuế để có hướng phát huy. Gần đây, Nhà máy đã tạo được uy tín trên thương trường và trong

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

năm 2006 nhận được nhiều đơn đặt hàng chế tạo và sửa chữa tàu. Doanh thu bán hàng năm 2007 tăng là do Nhà máy đã hoàn thành bàn giao được các đơn đặt hàng này đúng thời hạn.

- Bên cạnh đó, Nhà máy đã có những biện pháp hợp lý tiết kiệm và giảm được chi phí quản lý doanh nghiệp làm cho lợi nhuận tăng.

- Ngoài ra, lợi nhuận từ hoạt động tài chính cũng tăng so với 2006 là do năm 2007 Nhà máy đã có những chính sách đầu tư thêm vào hoạt động tài chính làm tăng doanh thu tài chính, đồng thời lại cắt giảm được chi phí tài chính. Mặc dù lợi nhuận hoạt động tài chính vẫn là âm, nhưng đã có những tiến triển trong việc ổn định cơ cấu chi phí - kết quả của các loại hoạt động.

Tuy nhiên để có thể xây dựng được một cơ cấu vốn hợp lý, an toàn, đạt hiệu quả cao đồng thời giữ vững được vị trí cung như nâng cao uy tín, nâng cao sức cạnh tranh trên thương trường Nhà máy cần phải tìm được một hướng đi mới trong quá trình phát triển lâu dài.

3.3. Sau khi hoàn thiện tổ chức phân tích, em xin đưa ra một số chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả SXKD của Nhà máy trong tương lai

3.3.1. Biện pháp thúc đẩy doanh thu:

(1) Cơ sở biện pháp:

Trước tình hình nền kinh tế có nhiều biến động về giá cả, cụ thể là giá cả các loại nguyên nhiên vật liệu tăng cao đã ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động SXKD của các doanh nghiệp, trong đó có Nhà máy đóng tàu Tam Bạc. Qua việc hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Nhà máy, em nhận thấy tốc độ tăng doanh thu của Nhà máy nhỏ hơn tốc độ tăng giá vốn:

Năm 2007 doanh thu tăng 18,35% trong khi giá vốn tăng 23,3%, chi phí quản lý giảm nhưng không nhiều làm hạn chế sự tăng của lợi nhuận. Bên cạnh đó, công tác Marketing chưa được nghiên cứu một cách kỹ lưỡng. Điều này đã làm hạn

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

chế doanh thu của Nhà máy, do vậy biện pháp thúc đẩy doanh thu để bù đắp chi phí sản xuất là một biện pháp cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả SXKD của Nhà máy.

(2) Biện pháp thực hiện:

Để tăng doanh thu cho Nhà máy, ngoài việc mở rộng mạng lưới Marketing và củng cố thị trường sẵn có đã gắn bó nhiều năm, có uy tín và thế mạnh như: Các công ty vận tải thuộc Tổng công ty Đường sông Miền Bắc, Tập đoàn than Việt Nam, Tổng công ty giấy Việt Nam, các công ty Du lịch vận tải hành khách, các công ty Vận tải tư nhân, các cảng biển, các công ty liên doanh. . . Nhà máy còn cần nghiên cứu, xây dựng chiến lược 4P sao cho phù hợp:

+ Sản phẩm (Product): Sản phẩm phải gắn với nhu cầu thị trường, phải xây dựng thương hiệu của sản phẩm trên thị trường. Mục tiêu hàng đầu của Nhà máy là chất lượng sản phẩm, sản phẩm làm ra thoả mãn nhu cầu chất lượng tốt, đảm bảo thời gian hoàn thành sản phẩm, thường xuyên đổi mới và đưa ra các thiết kế mẫu mã mới nhất có tính năng vượt trội, đa dụng.

+ Giá thành (Price): Giá thành của sản phẩm luôn được Nhà máy ưu tiên quan tâm hơn cả, nhất là trong quá trình đóng mới hay sửa chữa tàu có giá trị lớn, Nhà máy luôn phải tính toán, cao .đợi giữa chi phí đầu ra và đầu vào để đưa ra mức giá sản phẩm hợp lý và phải chăng mà vẫn đáp ứng yêu cầu về chất lượng sản phẩm cho khách hàng.

+ Thị trường tiêu thụ (Place): Thị trường tiêu thụ sản phẩm là yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của Nhà máy. Trong điều kiện cạnh tranh gay gắt hiện nay, ngoài việc giữ gìn và duy trì quan hệ sẵn có, Nhà máy cần tiếp cận và giới thiệu về năng lực thiết bị, đội ngũ lao động, giá cả phù hợp với từng khách hàng trong phạm vi cả nước. Đồng thời, không ngừng mở rộng và khai thác thị trường nước ngoài.

+ Chương trình khuyến mại (Promtion): Khi sản phẩm được hoàn thành theo đơn đặt hàng và đưa vào sử dụng, Nhà máy cần quan tâm và có chế độ bảo hành

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

đầy đủ cho sản phẩm của mình, có dịch vụ hậu mãi sau bán hàng, dịch vụ sửa chữa trong thời gian bảo hành, có chương trình khuyến mại đặc biệt, . . .

(3) Dự kiến kết quả:

Sau khi tăng cường các hoạt động Marketing, doanh thu của Nhà máy sẽ tăng thêm khoản 10%. Dự kiến kết quả thu được sau khi thực hiện:

- Doanh thu (tăng thêm 10%):

$$50.455.689.254 \times (1 + 10\%) = 55.501.258.179$$

Giá vốn (giữ nguyên tỷ trọng so với doanh thu là 85,83%):

$$55.501.258.179 \times 85,83\% = 47.636.729.895$$

- Chi phí giao dịch tăng thêm một khoản bằng 0,30/O DT (tính vào chi phí QLDN):

$$3.941.073.856 + 55.501.258.179 \times 0,3\% = 166.503.775$$

- Chi phí khác: khảo sát nghiên cứu thị trường, khuyến mãi, hậu mãi, . . . tăng thêm một khoản bằng 0,25% DT (=55.501.258.179 x 0,25% = 138.753.145) làm lợi nhuận khác là: 151.614.306 - 138.753.145 = 12.861.161

BIỂU SỐ 25

BẢNG SO SÁNH KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN BIỆN PHÁP THỨC ĐẨY DOANH THU

Chỉ tiêu	Trước thực hiện	Sau thực hiện	Biến động	
			+/-	%
1. Tổng doanh thu	50.455.689.254	55.501.258.179	5.045.568.925	10,0
2. Khoản giảm trừ	0	0	0	0
3. DTT	50.455.689.254	55.501.258.179	5.045.568.925	10,0
4. Giá vốn	43.304.490.432	47.636.729.895	4.332.239.463	4,22
5. Chi phí BH	0	0	0	
6. Chi phí QLDN	3.941.073.856	4.107.577.631	166.503.775	45,63
7. LN từ HĐTC	(2.873.567.677)	(2.873.567.677)	0	0
8. LN từ HĐ khác	151.614.306	12.861.161	(138.753.145)	-91,52
9. LNTT	488.171.595	896.244.137	408.072.542	83,59

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

10. Chi phí thuế TNDN	136.688.047	250.948.358	114.260.311	83,59
11. LNST	351.483.548	645.295.779	293.812.231	83,59

3.2.2. Chiến lược giảm chi phí:

(1) Cơ sở biện pháp:

Mục tiêu của Nhà máy là tạo ra sản phẩm tối ưu với chi phí thấp nhất. Chiến lược này sẽ giúp nhà máy nâng cao được hiệu quả SXKD và vượt trội so với đối thủ cạnh tranh. Nhà máy có thể đấu thầu những hợp đồng mới cũng như sửa chữa tàu với giá thành thấp mà vẫn giữ được uy tín do chất lượng đảm bảo. Nếu xảy ra cạnh tranh, Nhà máy sẽ có sức chịu đựng tốt hơn, nhất là sức ép của các nhà cung cấp.

(2) Biện pháp thực hiện:

Chi phí SXKD được chia thành 2 loại: biến phí (chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp sản xuất, chi phí điện nước...) và định phí (chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí nhân công gián tiếp...). Do đó, để giảm chi phí SXKD tới mức thấp nhất, Nhà máy cần phải:

- Giảm tối đa biến phí:

+ Đối với chi phí nguyên vật liệu, Nhà máy cần giảm tối đa những tổn thất do hao hụt nguyên vật liệu trong các khâu sản xuất, nỗ lực tìm nhà cung cấp nguyên vật liệu với giá thành rẻ hơn hoặc thay thế bằng loại có giá thấp hơn mà vẫn đảm bảo chất lượng, tận dụng tối đa nguồn nguyên liệu được cung cấp thay vì nhập khẩu.

+ Đối với chi phí nhân công trực tiếp sản xuất: Nhà máy cần đổi mới quy trình thi công, tạo điều kiện cho công nhân phát huy khả năng trong việc gia tăng năng lực sản xuất, rút ngắn thời gian công, từ đó giảm chi phí nhân công, hạ giá thành sản phẩm.

- Giảm tối đa định phí:

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

+ Một phương thức chung để giảm chi phí là Nhà máy cố gắng xây dựng hình ảnh, uy tín để có cơ hội nhận thi công nhiều đơn đặt hàng, nhiều công trình, hạng mục công trình. Tuy nhiên, khi thực hiện chính sách này, Nhà máy lại có chút khó khăn về vốn và nhân lực có tay nghề. Để khắc phục, Nhà máy có thể mời thêm nhiều nhà thầu phụ, xin trả chậm khi mua nguyên vật liệu...

+ Tùy theo từng khoản định phí mà Nhà máy có những cách thức khác nhau để giảm tương ứng. Cụ thể như là: Để giảm chi phí khấu hao TSCĐ, Nhà máy có thể tìm nhà cung cấp với giá thành thấp nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật thông qua hình thức chào giá hay đấu thầu công khai giúp giảm nguyên giá TSCĐ, hoặc Nhà máy có thể đi thuê TSCĐ để hoạt động, như vậy sẽ tiết kiệm được vốn đầu tư và giảm được chi phí khấu hao. Để giảm chi phí QLDN, Nhà máy cần thiết kế cơ cấu tổ chức quản lý hợp lý, hoàn thiện, hiệu quả hơn với chi phí là thấp nhất.

(3) Dự kiến kết quả:

Sau khi thực hiện các chiến lược giảm chi phí nói trên (doanh thu không đổi), kết quả dự kiến sẽ thu được là:

- Giá vốn (Giảm đi 1%):

$$43.304.490.432 \times (1-1\%) = 42,871.445.528$$

- Chi phí QLDN (giảm đi 2%):

$$3.941.073.856 \times (1-2\%) = 3.862.252.379$$

- Chi phí khác như: chi phí giao dịch, chi phí tìm nhà cung cấp...(tăng thêm 9%).

$$304.087.464 \times (1+9\%) = 331.455.336$$

BIỂU SỐ 26

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ
SAU KHI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIẢM CHI PHÍ**

Chỉ tiêu	Trước thực hiện	Sau thực hiện	Biến động	
			+/-	%

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

1. Tổng doanh thu	50.455.689.254	55.501.258.179	0	0
2. Khoản giảm trừ	0	0	0	0
3. DTT	50.455.689.254	55.501.258.179	0	0
4. Giá vốn	43.304.490.432	47.636.729.895	(433.044.904)	-1
5. Chi phí BH	0	0	0	0
6. Chi phí QLDN	3.941.073.856	4.107.577.631	(78.821.477)	-2
7. LN từ HĐTC	(2.873.567.677)	(2.873.567.677)	0	0
8. LN từ HĐ khác	151.614.306	124.246.434	(27.367.872)	-18,05
9. LNTT	488.171.595	972.670.105	484.498.510	99,25
10. Chi phí thuế TNDN	136.688.047	272.347.629	135.659.582	99,25
11. LNST	351.483.548	700.322.475	348.838.927	99,25

Muốn đạt được kết quả tốt nhất, Nhà máy nên thực hiện đồng thời cả hai chiến lược. Đây là một việc khó khăn nên Nhà máy cần nỗ lực hết sức đồng thời phát huy tối đa những tiềm năng sẵn có để nâng cao hiệu quả SXKD của Nhà máy.

Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty Nạo vét và xây dựng đường thủy I

BIỂU SỐ 27

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ
SAU KHI THỰC HIỆN ĐỒNG THỜI CẢ HAI CHIẾN LƯỢC**

Chỉ tiêu	Trước thực hiện	Sau thực hiện	Biến động	
			+/-	%
1. Tổng doanh thu	50.455.689.254	55.501.258.179	5.045.568.925	10
2. Khoản giảm trừ	0	0	0	0
3. DTT	50.455.689.254	55.501.258.179	5.045.568.925	10
4. Giá vốn	43.304.490.432	47.636.729.895	3.855.872.164	8,9
5. Chi phí BH	0	0	0	0
6. Chi phí QLDN	3.941.073.856	4.028.756.153	87.682.297	2,22
7. LN từ HĐTC	(2.873.567.677)	(2.873.567.677)	0	0
8. LN từ HĐ khác	151.614.306	(14.506.711)	(166.121.017)	-109,57
9. LNTT	488.171.595	1.424.065.212	935.893.446	191,71
10. Chi phí thuế TNDN	136.688.047	398.738.212	262.050.165	191,71
11. LNST	351.483.548	1.025.326.830	673.843.282	191,71

KẾT LUẬN

Sự biến đổi mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường đã và đang tác động một cách trực tiếp đến các ngành nghề liên quan, trong đó chuyên môn kế toán cũng là một điển hình, nó được coi là một phần cơ thể trong sản xuất kinh doanh.

Gắn liền với chuyên môn kế toán là Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính nói chung và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng là công cụ quản lý hết sức cần thiết đối với mỗi doanh nghiệp. Báo cáo tài chính phản ánh tình hình tài chính một cách tổng thể trong trạng thái thực của nó, đồng thời cũng là cơ sở cho các nhà quản lý cũng như những đối tượng quan tâm đến Báo cáo tài chính của doanh nghiệp đưa ra những hoạch định tài chính chiến lược trong tương lai. Mọi quyết định trong việc quản lý đều xuất phát dữ liệu trên Báo cáo tài chính. Chính vì vậy, công tác hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo tài chính cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải luôn được đặt lên hàng đầu, góp phần đáp ứng nhu cầu quản lý của chủ doanh nghiệp, sự giám sát quản lý của Nhà nước về kinh tế và cả sự quan tâm của nhiều đối tượng khác, đặc biệt là các nhà đầu tư. Sau thời gian thực tập tại Nhà máy đóng tàu Tam Bạc, tìm hiểu được phần nào thực tế công tác hạch toán kế toán, nhờ sự giúp đỡ nhiệt tình của tập thể ban lãnh đạo và phòng kế toán - tài chính Nhà máy đóng tàu Tam Bạc cũng như của các thầy cô giáo đã giúp em hoàn.. thành chuyên đề tốt nghiệp: "Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Nhà máy đóng tàu Tam Bạc ". Em hy vọng, thông qua bài khoá luận của mình giúp cho người đọc hiểu hơn về Nhà máy nói chung và tình hình tài chính của Nhà máy nói riêng.

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các thầy cô giáo trong khoa, đặc biệt là cô giáo - thạc sĩ Đông Thị Nga. Bên cạnh đó, em cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các cán bộ phòng kế toán - tài chính cũng như ban lãnh đạo Nhà máy đóng tàu Tam Bạc đã chỉ bảo, giúp đỡ em trong suốt thời gian qua.